

Trích dẫn Lời Chúa:

© Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ

NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC VIẾT TRONG KINH THÁNH
CÓ THẬT HAY KHÔNG?

&

PHẢI CHẴNG THIÊN CHÚA THỜI CỤ ƯỚC
TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?

Nihil obstat

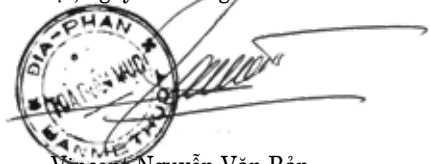
Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2020



Gioan Baotixita Nguyễn Hữu Duy, SVD
Giáo Sư Kinh Thánh
Thư Ký Ủy Ban Kinh Thánh

Imprimatur

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Vincent Nguyễn Văn Bản
Giám mục Ban Mê Thuột
Chủ tịch Ủy ban Kinh Thánh
Trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam

NT. AGNES CẢNH TUYẾT, O.P
GIÁO SƯ KINH THÁNH HỌC VIỆN CÔNG GIÁO

**NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC VIẾT
TRONG KINH THÁNH
CÓ THẬT HAY KHÔNG?
&
PHẢI CHĂNG
THIÊN CHÚA THỜI CỤ ƯỚC
TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?**



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Lời ngỏ

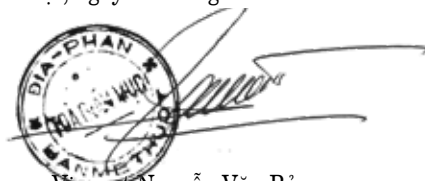
Quý độc giả thân mến,

Khởi đi từ những vấn nạn gặp phải trong thời gian học, nghiên cứu và giảng dạy về Kinh Thánh, như: những điều được viết ra trong Kinh Thánh cần được hiểu và giải thích như thế nào trong nhiệm vụ cứu rỗi, đó có phải là những chân lý buộc phải tin hay đó là cách diễn tả có tính cách sự phạm để trình bày điều Thiên Chúa muốn nói với dân Ngài... nữ tu Agnès Nguyễn Thị Cảnh Tuyết, Giáo sư Kinh Thánh, đã dựa vào tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng “*Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*” và những suy tư của mình để giúp cho các học viên hiểu về những nội dung chân lý được mạc khải trong Kinh Thánh.

Hy vọng là những suy tư này sẽ giúp quý độc giả có cái nhìn chuẩn mực về cách trình bày và nội dung của mạc khải trong Kinh Thánh, để chúng ta tiếp tục tin vào nội dung của mạc khải qua sự hướng dẫn của Giáo Hội.

Xin Chúa chúc lành cho tất cả anh chị em.

Buôn Ma Thuột, ngày 09 tháng 03 năm 2020



Vincent Nguyễn Văn Bản
Giám mục Ban Mê Thuột
Chủ tịch Ủy ban Kinh Thánh
Trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam

KINH THÁNH CỤU ƯỚC CUỐN SÁCH GÂY TRANH CÃI

Cuốn Kinh Thánh còn được gọi là Sách Thánh, và Cựu Ước là Sách Thánh của Kitô giáo và Do Thái giáo. Từ “thánh” làm người ta nghĩ đến những gì là linh thánh, là thuần khiết, là thoát tục...

Nhưng người ta đã phải ngỡ ngàng khi đọc Cựu Ước, vì trong đó nói về chuyện quá khứ của dân tộc Israel nhỏ bé với những chuyện chẳng mấy hấp dẫn. Có những điều luân lý chẳng mấy tốt đẹp, chẳng hạn chuyện về hai cô con gái của ông Lót (x. St 19,30-38); có những lời khuyên theo một thứ luân lý lỗi thời và kỳ thị phụ nữ¹; có những đoạn chúng ta ngại đọc trước công chúng, dám đồng

1. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 8.

(chẳng hạn: Dc 7,8-9); có những đoạn trong sách Êdékien (x. Ed 23,3-21) mà Cha Charpentier nhận thấy là: đến lính cung phải đổ mặt (như thể chúng ta đang nhìn bức tranh khỏa thân)².

Hơn cả sự ngô ngàng, Cựu Ước là cuốn sách gây nhiều tranh cãi. Có ít nhất hai vấn nạn mà Giáo Hội, qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng năm 2014, đã ghi nhận. Những vấn nạn này là một trong những thách đố cho việc giải thích Lời Chúa³. Chúng khiến nhiều người cảm thấy thắc mắc, khó chấp nhận Cựu Ước là Lời Chúa, khó tin đó là Lời của mạc khải.

Vấn nạn 01

Tính xác thực trong Kinh Thánh

Có những điều trong Kinh Thánh xem ra phản khoa học, không đúng với khảo cổ, không đúng lịch sử.

-
2. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 66.
 3. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 104.

Điều này khiến người ta thắc mắc: Vậy đâu là chân lý trong Kinh Thánh? Những điều được viết trong Kinh Thánh có thật hay không?

Vấn nạn 02

Bạo lực trong Kinh Thánh

Bạo lực trong Kinh Thánh, nhất là án thần tru (x. Gs 6,17-21) và Thánh Vịnh Nguyên Rửa (x. Tv 3,8; 137,8-9), khiến người đọc thời nay, Kitô giáo cũng như ngoại giáo, khó chấp nhận nó. Thiên Chúa của Cựu Ước xem ra tàn bạo, không như Thiên Chúa trong Tân Ước.

Nhiều người cho rằng Cựu Ước lỗi thời, không phù hợp cho việc nuôi dưỡng niềm tin. Từ đó, Hàng Giáo Phẩm Công Giáo đã đưa ra quy định trong nghi thức phụng vụ công khai, không được chọn đọc toàn bộ những đoạn Kinh Thánh như thế, và những câu có vẻ xúc phạm đến cảm thức của Kitô hữu cũng bị lược bỏ⁴.

4. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 125.

Khi khuynh hướng loại trừ những đoạn Kinh Thánh mang tính bạo lực ngày càng mạnh, thì sự coi khinh Cựu Ước cũng theo đà tăng. Trong khi đó, đối với Kitô giáo, Cựu Ước là phần thứ nhất trong bộ Kinh Thánh của mình, đó là Lời Chúa, Lời của mạc khải.

Mãi đến năm 2014, Giáo Hội, qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, đã chính thức lên tiếng phản đối việc loại trừ những đoạn Cựu Ước như trên, tài liệu có đoạn viết:

Nếu chỉ khẳng định cách chung chung rằng Cựu Ước có những “khuyết điểm tạm bợ”, và nếu nhân danh lòng nhiệt thành và khôn ngoan mục vụ thì điều đó cũng không đủ để bỏ đi những đoạn Kinh Thánh có vấn đề mà không đọc chúng công khai trong các cộng đoàn phụng vụ.

Trái lại, khi cắt xén như thế, sẽ làm cho những ai đã biết Kinh Thánh trọn vẹn, có thể cảm thấy một sự cắt xén gia sản thánh, hay có thể chỉ trích những người mục tử đã che giấu những mặt khó của Kinh Thánh⁵.

5. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 150.

Giáo Hội yêu cầu: *thay vì dè chừng, coi Cựu Ước là lỗi thời, hãy tìm cách giải thích ý nghĩa những đoạn Cựu Ước mang tính bạo lực, và nhất là không được hiểu chúng theo nghĩa đen*⁶.

Trong tập sách nhỏ này, chúng ta sẽ bàn đến hai vấn nạn: Những điều được viết trong Kinh Thánh có thật hay không? Và bạo lực trong Kinh Thánh.

6. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 150.

Phần 1

NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC VIẾT TRONG KINH THÁNH CÓ THẬT HAY KHÔNG?

ADAM VÀ EVA CÓ THẬT HAY KHÔNG?

Khái niệm “sự thật” - thể loại văn chương

Liên quan đến vấn nạn “Những điều được viết trong Kinh Thánh có thật hay không?”, tài liệu Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng đã bàn đến khái niệm về “sự thật” trong các thể loại văn chương⁷. Chúng ta biết sự thật chứa đựng trong một cuốn tiểu thuyết thì khác xa với sự thật được trình bày trong cuốn sách giáo khoa về vật lý. Thi ca trữ tình không mô tả sự việc như một bài ký sự hay khoa học.

Hãy lấy câu chuyện ngụ ngôn “*Con cáo và chùm nho*” của Jean de La Fontaine, được chuyển thành thơ (bản dịch của Nguyễn Đình):

7. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 104.

*“Cáo kia dù trắng hay đen.
Vẫn thường khoác lác vẫn tên bịp đời.
Đói meo tưởng chết tới nơi.
Giàn cao trông thấy nho tươi ngon lành.
Nho chín mộng phơi mình đỏ chót.
Gã phong lưu nước bọt chảy dài.
Không với tới, gã chê bai:
- Nho xanh chỉ xưng miệng loài phàm phu!
Than phiền phỏng ích hơn ru?”*

Đúng là chẳng có con cáo nào trong thực tế biết suy nghĩ như vậy cả, nhưng ngụ ngôn “Con cáo và chùm nho” đã truyền tải một thông điệp rất thật: một số người khi không thể có được thứ mình mong muốn liền nói thứ đó không ra gì. Thực chất là vì mình không đủ khả năng để có nó, đành viện cớ để che đậy sự thất vọng của mình, đó là lừa dối chính mình.

Chúng ta có thể dùng kiểu nói của Cha Charpentier với khái niệm “chính xác” (*exact*) và “thực” (*vrai*)⁸ để diễn tả vấn đề. “Chính xác” thì

8. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 9.

không có con cáo nào biết suy nghĩ như con cáo của Lafontain; nhưng “thực”, bởi vì câu chuyện ngụ ngôn phản ánh đúng tâm trạng của thời đời, khi không ăn được thì đập đổ.

Chúng ta quen với câu thơ của Hàn Mặc Tử (trong bài thơ *Trăng vàng trăng ngọc*), được chuyển thành lời nhạc: “*Ai mua trăng tôi bán trăng cho, chẳng bán tình duyên, ước hẹn hò...*”. Không ai thắc mắc: tại sao Hàn Mặc Tử lại rao bán trăng, như thể ông sở hữu riêng vàng trăng để rao bán? Bởi chúng ta biết đó là thơ, chúng ta đọc nó theo thể loại thơ và không đọc nó như thể văn nghiên cứu về thiên văn.

Cũng vậy, Kinh Thánh chứa đựng sự thật, nhưng sự thật đó được trình bày dưới những thể văn không phải là loại ký sự lịch sử hay thông tin khoa học. Vì thế đừng tìm trong Kinh Thánh những đối chiếu về lịch sử, hay khoa học; vì mục đích của tác giả Kinh Thánh là truyền tải thông điệp niềm tin⁹.

9. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 104.

Adam và Eva có thật hay không?

Khi đọc trình thuật về tạo dựng Adam và Eva, có thể người ta sẽ thắc mắc: Adam có thật hay không, Eva có thật hay không? Đừng ngây thơ nghĩ rằng Thiên Chúa ngồi đó, nhào đất rồi nặn ra Adam; sau đó rút xương sườn của ông và làm ra bà Eva. Cùng đừng vội kết luận Sáng Thế chương 2 là phản khoa học, là đi ngược với thuyết tiến hóa của Darwin. Làm như thế là chúng ta đã làm về thể văn của trình thuật tạo dựng.

Nói rằng Thiên Chúa lấy bụi đất nặn ra con người rồi thổi sinh khí vào lỗ mũi là khẳng định Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất, và con người là thụ tạo. Mặt khác, cách nói này còn mạc khải một sự thật về thân phận con người: vừa thấp hèn vừa cao cả. Mang thân phận cát bụi, là xác đất vật hèn, yếu đuối và mong manh, nhưng con người không chỉ là vật chất, con người còn có phần thượng, phần linh thiêng vì mang trong mình hơi thở của Thiên Chúa. Vượt trên những gì là hữu hình, có thể nắm bắt được qua thân xác, con người còn là một huyền nhiệm (không thể nắm bắt hết mà phải khám phá luôn mãi không thể biết hết bên trong tâm hồn họ).

Chúng ta có thể suy niệm thêm: mang trong mình hơi thở của Thiên Chúa (x. St 2,7), con người luôn khắc khoải hướng về Thiên Chúa. Khát vọng này được phú bẩm cho tất cả mọi người, không trừ một ai, dù là người tin hay không tin, cho dù người ta không biết để gọi đúng tên nó. Tuy nhiên, vì là bụi đất (x. St 2,7) với bao giới hạn và mê lầm, con người có nguy cơ tự lừa dối mình khi đi tìm những cứu cánh trong cõi phàm trần này. Nhưng trong sâu thẳm, nỗi khắc khoải tìm về cõi vĩnh hằng vẫn gõ cửa không ngơi trong lòng con người (ý tưởng lời của Thánh Augustin chuyển thành nhạc: *“Trái tim con còn mãi băn khoăn cho đến khi nào nghỉ yên trong Chúa, đến khi nào Chúa gọi con về...”*).

Chúng ta dừng lại từ “chính xác” và “thực” để nói về trình thuật tạo dựng Adam và Eva:

Nếu “chính xác” được hiểu theo cách của khoa học, thì chuyện nhân loại đã xuất hiện trên trái đất, theo cách mà Kinh Thánh miêu tả về Adam, Eva, thì không phù hợp. Trình thuật tạo dựng trong Sách Sáng Thế không phải là bản thông tin khoa học về sự xuất hiện của những con người đầu tiên trên trái đất, đó là công việc của khoa học. Đừng tìm trong

Kinh Thánh những điều mà Kinh Thánh không có ý nói tới. Mục đích của Kinh Thánh là truyền tải thông điệp niềm tin.

Nhưng nếu nói về “thực”, thì trình thuật tạo dựng Adam và Eva lại rất thực. Trình thuật sáng tạo trả lời một cách xác quyết cho những câu hỏi căn bản của niềm tin: có Thiên Chúa hay không? Thiên Chúa là ai? Và con người là ai? Thay vì tuyên xưng bằng lời, trình thuật sáng tạo Adam và Eva đã dùng hình ảnh bình dân, sống động, diễn tả chính xác những điều căn bản của niềm tin, rằng: có một Thiên Chúa Duy Nhất, Ngài là Đấng Sáng Tạo, và con người là thụ tạo. Con người hay những người đầu tiên được Thiên Chúa dựng nên đó, Kinh Thánh gọi tên là Adam, Eva.

ABRAHAM, XUẤT HÀNH CÓ THẬT HAY KHÔNG?

Ahiều đoạn Kinh Thánh khác cũng bị đặt vấn đề về sử tính, nhưng khuynh hướng phủ nhận sự hiện hữu về tổ phụ Abraham và về biến cố Xuất Hành là một trong những thách đố trong việc giải thích Lời Chúa mà Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng phải lưu tâm.

Hai lập trường liên quan sử tính về Abraham và về Xuất Hành

Tổ phụ Abraham¹⁰

Trước đây các nhà nghiên cứu cho rằng Abraham sống vào khoảng 1800-1700 trước Công

10. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 27-28.

Nguyên, tức vào khoảng thiên niên kỷ thứ II trước Công Nguyên; giả thuyết này trước đây đã được xem như một điều chắc chắn. Một trong những điểm tựa của giả thuyết này là đồng hóa tên của hai nhân vật Hammourapi và Amraphel. Hammourapi là tên của một nhân vật mà các nhà nghiên cứu đã tìm thấy trong văn chương vùng Lưỡng Hà, ông sống vào khoảng thiên niên kỷ thứ II trước Công Nguyên. Còn Amraphel được nhắc đến ở sách Sáng Thế (x. St 14,1) trong trình thuật về việc ông Lót, cháu ông Abraham bị bắt. Các nhà nghiên cứu cho rằng ông Amraphel của thời Abraham được nói đến ở sách Sáng Thế (x. St 14,1) chính là ông Hammourapi sống vào thiên niên kỷ thứ II trước Công Nguyên, mà bản văn vùng Lưỡng Hà nói đến. Từ đó các nhà nghiên cứu cho rằng Abraham sống vào thiên niên kỷ thứ II, trong khoảng năm 1800-1700 trước Công Nguyên.

Ngày nay các nhà chú giải không còn chấp nhận giả thuyết này. Họ cho rằng việc đồng hóa tên Amraphel với Hammorapi là không hợp lý, sự đồng âm không đủ để đi đến kết luận hai nhân vật này là một. Mặt khác, không có chi tiết nào trong sách Sáng Thế nói về Abraham gọi đến thiên niên kỷ

thứ II trước Công Nguyên. Trái lại, tên gọi Abraham là tên quen dùng vào thiên niên kỷ thứ I trước Công Nguyên. Nhiều yếu tố trong sách Sáng Thế liên quan đến Abraham gần với thế kỷ VII-VI trước Công Nguyên, chẳng hạn kiểu nói “thành Our của người Chalde” (St 11,31). Những điều này đã khiến nhiều nhà chú giải nghi ngờ về sử tính của nhân vật Abraham, họ cho rằng nhân vật Abraham không có thật trong lịch sử.

Xuất Hành¹¹

Xuất Hành chiếm một vị trí quan trọng trong Kinh Thánh và trong phụng vụ Do Thái giáo. Cho đến thời Chúa Giêsu, hàng năm, dân Do Thái cử hành Lễ Vượt Qua nhằm hiện thực hóa việc Chúa đã giải cứu dân Ngài khỏi ách nô lệ Ai Cập và đưa họ về miền Đất Hứa. Tân Ước sử dụng khá nhiều hình ảnh của biến cố Xuất Hành. Bữa Tiệc Ly của Chúa Giêsu, cái chết và sự Phục Sinh của Người, được đặt trong mối liên hệ với biến cố Xuất Hành (chẳng hạn Lc 22,15-16.20: “*Thầy những khát khao ăn Lễ Vượt Qua... cho đến*

11. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 56.

khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa; ... Chén này là giao ước mới...”; xem thêm Ga 13,1-3; 19,36).

Vậy mà không một nguồn tài liệu nào ngoài Thánh Kinh, hay nguồn tài liệu của Ai Cập nói đến cuộc Xuất Hành của Israel. Mặt khác, tên gọi Pharaô là tước hiệu chung chỉ các nhà vua Ai Cập cổ đại, Thánh Kinh lấy tước hiệu này làm tên riêng cho vị vua thời Xuất Hành, nghĩa là Thánh Kinh không biết tên của vị vua Ai Cập thời Môsê.

Nhân vật Môsê nổi bật trong sách Xuất Hành, Lê Vi, Dân Số cho đến sách Đệ Nhị Luật, thế mà lịch sử Ai Cập không hề nhắc đến Môsê. Trình thuật chào đời của Môsê rất gần với huyền thoại về sự ra đời của Sargon, vua nước Akkad – người sáng lập đế quốc Akkad, khoảng cuối thiên niên kỷ thứ III trước Công Nguyên¹². Câu chuyện được viết theo lối tự thuật như sau: Sargon, vua nước Akkad, chính là ta (...) mẹ ta, người mẹ khốn khổ, đã mang thai ta. Trong lén lút kín đáo, bà đã sinh ra ta. Bà đặt ta trong chiếc thùng sậy trát nhựa (...), bà đẩy lại và

12 Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 56.

thả ta trên sông. Dòng sông đã không nhấn chìm ta, nhưng mang ta đi đến tận Akki, một người kín nước, ông nhìn ta cách nhân hậu và kéo ta lên khỏi nước và nuôi nấng ta như con của mình. Người kín nước đặt ta coi sóc khu vườn. Trong thời gian coi sóc vườn, nữ thần Ishtar đã thương yêu ta, và trong suốt 56 năm, ta đã nắm vương quyền.

Từ những nhận xét trên, sử tính của biến cố Xuất Hành bị nghi ngờ, có trường phái cho rằng Xuất Hành chỉ là văn chương hư cấu.

Trường phái đối lập

Đối lại những trào lưu phủ định trên

Tổ phụ Abraham

Người ta thấy những câu chuyện về Abraham ở Hebron, Beercheva và Negeb rất trùng hợp với các truyền thống địa phương ở những nơi này. Vì thế, một số nhà chú giải khác cho rằng không dễ dàng để kết luận Abraham là nhân vật giả tưởng, hay truyền thống về Abraham chỉ là truyền thuyết. Tuy nhiên, người ta không thể biết gì hơn về niên đại thời Abraham.

Xuất Hành

Lịch sử cho biết có nhóm người gọi là *Hykos* (nghĩa là người đứng đầu của những người ngoại kiều), đó là nhóm người Semite. Nhóm này đến nhập cư ở phía đông sông Nil và ngày càng bành trướng, nhưng sau đó bị trục xuất khỏi Ai Cập. Biến cố này xảy ra vào khoảng 1550 trước Công Nguyên. Lịch sử còn cho biết vào khoảng thế kỷ thứ XIII trước Công Nguyên, trong suốt giai đoạn này, triều đại thứ XIX của Ai Cập – Ramses II – thiết lập thủ phủ ở lưu vực đồng bằng sông Nil, và có nhiều công trình xây dựng rất lớn. Thành Pithom và Ramses mà sách Xuất Hành nói đến (x. Xh 1,11), cũng được nói đến trong các bản văn cổ Ai Cập thời đó.

Với những lý chứng trên, những nhà chú giải khác cho rằng Xuất Hành rõ ràng in dấu ấn lịch sử.

Sự hoang mang của các tín hữu

Có Abraham hay không?

Có Xuất Hành hay không?

Đây là cuộc tranh luận dường như không hồi kết¹³. Nhưng giả thuyết phủ nhận sự hiện hữu của các tổ phụ cũng như về biến cố Xuất Hành xem ra ngày càng lan rộng. Nhiều tín hữu cảm thấy hoang mang và mất định hướng, vì niềm tin của mình xem ra không còn điểm tựa nơi Kinh Thánh. Làm sao có thể noi theo mẫu gương vàng phục của tổ phụ Abraham khi thực sự không có nhân vật Abraham trong lịch sử! Những khi gặp thách đố, làm sao có thể nghi về Xuất Hành để vững tin vào quyền năng và sự giải thoát của Thiên Chúa, khi mà trong thực tế Xuất Hành đã không diễn ra!

Chúng ta biết, đây chỉ là một giả thuyết giữa bao giả thuyết khác. Lịch sử chú giải Kinh Thánh cho thấy, không ít những giả thuyết một thời được người ta coi như một định đề chắc chắn, nhưng với thời gian chúng đã bị đặt lại vấn đề bởi những giả thuyết mới. Chẳng hạn trước đây, hầu hết đều đồng ý một cách chắc chắn về thuyết Bốn Truyền Thống (J, E, P, D), ngày nay thuyết này đã được xem xét lại một vài điểm đáng kể, và các nhà chú giải tránh gọi

13. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 56.

tên truyền thống J và E¹⁴. Tuy nhiên, vẫn còn người ủng hộ thuyết Bốn Truyền Thống.

Chúng ta cũng biết, niềm tin đặt nền trên các biến cố liên quan đến tổ phụ Abraham và Xuất Hành không phải là điều mới có vào thời lưu đày, nhưng có nguồn gốc từ truyền thống cổ xưa. Chẳng hạn Xuất Hành đã được nhắc đến trong truyền thống cổ xưa thời Hôse và Amos¹⁵ (x. Hs 12,10.14; Am 2,10; 9,7).

Lập trường của Giáo Hội

Thấu hiểu sự hoang mang của các tín hữu, Giáo Hội đã chính thức lên tiếng, qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng năm 2014, nhằm hướng dẫn dân Chúa trong việc đọc Kinh Thánh.

Một mặt, Giáo Hội tỏ rõ lập trường không ủng hộ giả thuyết phủ nhận trên, tài liệu Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng có đoạn viết: *“Điều thứ nhất mà chúng ta cần nói liên quan đến các trình thuật về các*

14. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 32.

15. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 56.

tổ phụ (cũng như về biến cố Xuất Hành và về cuộc chinh phục Đất Hứa), đó là chúng không phải tự dung mà có”¹⁶.

Lập trường của Giáo Hội cho thấy giả thuyết phủ định sử tính của Abraham và của Xuất Hành không đủ căn cứ, và nó không thực sự hữu ích cho đời sống đức tin, chúng ta không nên tốn thêm thời gian cho việc tranh luận này.

Mặt khác, Giáo Hội nhấn mạnh việc không nên coi những sự kiện trong Kinh Thánh như là dữ liệu lịch sử, vì khi ghi lại các sự việc trên, tác giả Kinh Thánh không quan tâm đến việc các sự kiện được truyền tải là hoàn toàn chắc chắn đến mức nào, nhưng bận tâm của họ là giải thích và tìm bài học từ những sự kiện của quá khứ¹⁷.

16. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 106.

17. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 107.

Sai lầm về thể loại văn chương dẫn đến kết luận sai lệch về Kinh Thánh

Sở dĩ có sự tranh luận về việc những điều được viết trong Kinh Thánh có thật hay không, nguyên nhân là do người ta đã coi bản văn Kinh Thánh như những bản ký sự lịch sử, thông tin khoa học; đó là sai lầm về loại văn thể trong Kinh Thánh.

Trước đây, người ta lấy Kinh Thánh làm chuẩn để đối chiếu những khám phá khoa học, khảo cổ, lịch sử. Chẳng hạn, vụ án Galilê, thời đó, người ta đọc Kinh Thánh và hiểu là trái đất đứng yên, còn mặt trời xoay quanh trái đất. Nhưng khi nhà khoa học Galilê khám phá trái đất xoay quanh mặt trời, ông đã bị lên án vì đi ngược với Kinh Thánh.

Thời gian sau, trái lại, người ta lấy kết quả nghiên cứu lịch sử, khảo cổ làm chuẩn để đối chiếu với Kinh Thánh. Khi thấy những gì được nói đến trong Kinh Thánh không có trong các dữ liệu lịch sử, hoặc không trùng khớp dữ liệu lịch sử, với những khám phá khoa học, họ lại kết luận Kinh Thánh không có thật.

Cả hai cách giải thích trên đều đã đọc Kinh Thánh như là bản ký sự lịch sử, như một tài liệu

khoa học, trong khi mục đích của Kinh Thánh là nhằm truyền tải thông điệp về niềm tin.

Trở lại với khái niệm “chính xác” và “thực”, nếu xét theo “chính xác”, tức là viết y như đã xảy ra trong lịch sử, như một bản ký sự, theo nghĩa này thì những gì được ghi lại trong Kinh Thánh về tổ phụ Abraham cũng như về Xuất Hành thì không chính xác.

Nhưng nếu xét về “thực”, thì các trình thuật này rất thật vì đó là kinh nghiệm niềm tin của Israel, một kinh nghiệm vừa in dấu lịch sử vừa mang tầm mức của một dân tộc, nghĩa là cả dân tộc Israel đã có kinh nghiệm này: Thiên Chúa đã can thiệp cho dân Ngài, từ nơi lưu đày Babylon, Ngài đã đưa dân Ngài hồi hương. Và Israel suy gẫm quá khứ:

Như xưa Thiên Chúa đã từng can thiệp vào cuộc đời của các tổ phụ trong những giai đoạn bi kịch nhất, thì nay Thiên Chúa vẫn can thiệp trong những giai đoạn bi kịch nhất của lịch sử dân Chúa¹⁸. Như xưa Chúa đã giải thoát dân Ngài thoát cảnh nô lệ tại Pharaô Ai Cập, hôm nay Thiên Chúa vẫn

18. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 107.

đang ra tay giải thoát dân Ngài khỏi cảnh khốn cùng áp bức¹⁹.

Trải qua những biến động lớn, các dân tộc bé nhỏ cho đến các cường quốc niềm Trung Đông thời Cựu Ước lần lượt bị xóa sổ, và mất luôn cả thần minh của họ. Israel cũng chịu chung số phận nhưng họ vẫn tồn tại, và tồn tại cả trong niềm tin. Lưu đày Babylon là giai đoạn bi thảm nhất của lịch sử dân Chúa, và việc dân Chúa còn có ngày trở về xây lại Đền Thờ, khôi phục lại tường thành Giêrusalem là bằng chứng Thiên Chúa là Đấng trung tín, giữ lời giao ước với tổ phụ Abraham; là bằng chứng Thiên Chúa là vị Cứu Tinh, là Đấng giải thoát dân Ngài.

19. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 108.

Phần 2

**BẠO LỰC TRONG KINH THÁNH
&
PHẢI CHĂNG
THIÊN CHÚA THỜI CỤ ƯỚC
TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?**

BẠO LỰC TRONG KINH THÁNH

ÁN THẦN TRU


KINH THÁNH VÀ KHẢO CỔ

SÁCH GIÔSUÊ CHƯƠNG 6

Ý NGHĨA ÁN THẦN TRU

THÁNH VỊNH NGUYỄN RỬA

ÁN THẦN TRU

ách Giôsuê cho biết khi Israel tiến vào đất Canaan, thành đầu tiên họ chiếm lấy là Giêrikhô, và họ đã thực hiện án tru hiến với thành này. Mục đích của việc tru hiến được gán cho Đức Chúa mà sách Giôsuê 6,17 ghi như sau: *“Thành và mọi sự trong Thành sẽ bị án tru hiến để kính Đức Chúa”*. Và những câu tiếp theo (Gs 6,20-21) ghi lại diễn tiến của án thần tru như sau:

“Bấy giờ, dân hò reo xung trận, và người ta rúc tù và. Vừa nghe tiếng tù và, dân lớn tiếng hò reo xung trận, và tường thành sụp đổ tại chỗ. Dân chúng ai nấy cứ thẳng trước mặt mình mà tiến lên đánh thành, và đã chiếm được. Họ dùng lưới guôm mà thi hành án tru hiến mọi sự trong thành, từ đàn ông cho đến đàn bà, từ người trẻ cho đến người già, đến cả bò lừa và chiên cừu”.

Với án thần tru, Giôsuê chương 6 là đoạn điển hình về vấn nạn bạo lực trong Kinh Thánh: làm sao Thiên Chúa là Đấng nhân lành lại ra lệnh thi hành án thần tru? Phải chăng Thiên Chúa thời Cựu Ước tàn bạo hơn thời Tân Ước, như có người đã nghĩ!

Án thần tru rất nguy hiểm nếu áp dụng theo nghĩa đen

Án thần tru, nếu hiểu theo nghĩa đen, thì đó là việc giết người hàng loạt và có hệ thống. Nếu hiểu và áp dụng theo nghĩa đen này thì rất nguy hiểm cho nhân loại, vì người ta có thể dựa vào án tru hiến trong Cựu Ước để biện minh cho những vụ diệt chủng. Lịch sử nhân loại đã để lại những trang sử đen về những cuộc diệt chủng man rợ, nhân danh ý thức hệ, nhân danh lý tưởng.

Hitler

Nạn diệt chủng thời Hitler. Ý thức hệ mà Hitler đưa ra, không chỉ nhằm bài trừ người Do Thái mà chuyện độc ác hơn là “thanh lọc chủng tộc” với

“thuyết ưu sinh”. Hitler chủ trương diệt những chủng tộc “hạ đẳng” và chỉ để lại chủng tộc “thượng đẳng”. “Thượng đẳng”, theo Hitler, đó là người Aryan, đó là người Đức thuần chủng (da trắng, mắt xanh, tóc vàng, cao lớn, xinh đẹp và thông minh).

Pol Pot

Pol Pot đã giết người hàng loạt, và giết chính người của dân tộc mình. Mục đích của Pol Pot là xây dựng một xã hội lý tưởng theo cách của ông. Ông căm ghét và muốn xóa bỏ tận căn giai cấp tư sản, bao gồm tầng lớp trí thức (ông gọi là những người đeo kính trắng). Ông biến tất cả mọi người thành nông dân. Vì theo ông, nông dân là những người *“đơn giản, không được giáo dục, chăm làm và không có xu hướng bóc lột những người khác”*.

Với những nạn diệt chủng đã xảy ra trong lịch sử nhân loại, lương tâm nhân loại rõ ràng không chấp nhận, và chúng ta hiểu vì sao những đoạn Kinh Thánh về án thàn tru trở nên scandal cho người đọc Kinh Thánh.

Có một nguy hiểm đáng sợ hơn, đó là hiện nay có hai quốc gia, Israel và Palestin, đang cùng sống trên mảnh đất Palestin, miền Đất Hứa ngày xưa. Tình hình chính trị giữa hai nước này luôn căng thẳng. Trong tình hình hiện nay, nếu áp dụng án tru tru theo nghĩa đen thì đúng là thảm họa.

Quan điểm của Giáo Hội

Giáo Hội biết những nguy hại trên, vì thế qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, 2014, Giáo Hội cảnh báo không được dựa vào án tru hiến trong Cựu Ước để hợp thức hóa một hệ thống hành xử quốc gia nhằm biện minh cho thái độ hung bạo trên các quốc gia khác; làm như thế là bóp méo ý nghĩa của những đoạn Kinh Thánh được nói đến. Nhưng, mặt khác, Giáo Hội đề nghị không loại trừ những đoạn Cựu Ước mang tính bạo lực, phải tôn trọng giá sản Thánh²⁰. Và Giáo Hội mời gọi chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng của những đoạn Kinh Thánh đó.

20. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 127.

KINH THÁNH VÀ KHẢO CỔ

Bên cạnh vấn nạn bạo lực, sách Giôsuê chương 6 còn là đoạn Kinh Thánh điển hình về sự mâu thuẫn giữa Kinh Thánh và khảo cổ: trong khi Giôsuê chương 6 thuật lại cuộc chiếm thành Giêrikhô hết sức ngoạn mục (x. Gs 6,1-5), thì kết quả khảo cổ cho thấy khi Israel tiến vào chiếm thành Giêrikhô, thì các tường thành Giêrikhô đã sụp đổ từ vài trăm năm về trước, và thành đã bị bỏ hoang từ lâu.

Tuy nhiên, chính vấn nạn về sự mâu thuẫn giữa Kinh Thánh và khảo cổ trong Giôsuê chương 6 lại là một trong những điều giúp chúng ta giải thích về vấn nạn án thần tru. Chúng ta cùng bàn về vấn đề khảo cổ liên quan đến thành Giêrikhô.

*

* *

Thành Giêrikhô và công trình khảo cổ²¹

Sách Giôsuê chương 6 thuật lại rằng khi Giôsuê dẫn dân tiến vào đất Canaan, thì thành Giêrikhô được phòng thủ rất vững chắc: “*Giê-ri-khô đóng kín cổng thành, phòng thủ chống lại con cái Israel: nội bất xuất, ngoại bất nhập*” (Gs 6,1). Sách còn trình bày việc chiếm thành hết sức ngoạn mục. Con cái Israel đã tận mắt chứng kiến tường thành Giêrikhô sụp đổ trước mặt họ sau tiếng hò reo xung trận của toàn dân: “*Bấy giờ, dân hò reo xung trận, và người ta rúc tù và. Vừa nghe tiếng tù và, dân lớn tiếng hò reo xung trận, và tường thành sụp đổ tại chỗ. Dân chúng ai nấy cứ thẳng trước mặt mình mà tiến lên đánh thành, và đã chiếm được*” (Gs 6,20). Thế mà vào đầu thế kỷ XX, ngành khảo cổ đã đưa ra những kết luận gây bất ngờ vì nó mâu thuẫn với những gì được thuật lại trong sách Giôsuê.

Kê bên thành Giêrikhô hiện nay, các nhà khảo cổ học qua các công trình khảo cổ đã tìm thấy một thành cổ và gọi tên là Tell es-Sultan. Và từ rất sớm

21. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire L'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 28. *La Bible – Notes Intégrales Traduction Oecuménique* (TOB). Cerf – Biblio, 2011, trang 360-361.

trong công trình khảo cứu, các nhà khảo cổ đã đi đến kết luận Tell es-Sultan chính là cổ thành Giêrikhô được nói đến trong sách Giôsuê. Nó thu hút rất lớn sự quan tâm và chú ý của nhiều người. Nhiều công trình khai quật quy mô và công phu đã dồn vào đây. Các công trình khảo cứu đã đưa đến những kết luận đầy thú vị bất ngờ khi so chiếu với những gì được nói đến trong sách Giôsuê.

Ngày nay mọi người đều đồng ý rằng, thời Giôsuê tiến vào miền Canaan, thành Giêrikhô không còn các tường thành nữa. Các tường thành Giêrikhô đã được củng cố vào thời đồ đồng cũ và đồ đồng giữa (trước năm 2000 trước Công Nguyên). Nhưng vào thời đồ đồng muộn (1550–1200 trước Công Nguyên), thời được cho là nhóm dân Israel vào định cư ở vùng đất Canaan, thì các bức tường của thành này không còn nữa, chúng đã sụp đổ trước đó. Nghĩa là, theo kết quả của ngành khảo cổ, thành Giêrikhô bị bỏ hoang vào khoảng những năm 1500 trước Công Nguyên. Còn theo các nhà phê bình lịch sử, thì dân Israel tiến vào đất Canaan vào những năm 1200 trước Công Nguyên. Như thế, khi Israel tiến vào Canaan thì thành Giêrikhô đã sụp đổ và bị bỏ hoang.

Rõ ràng có sự mâu thuẫn giữa bản văn của sách Giôsuê chương 6 và kết quả khảo cổ mang lại. Nhưng mâu thuẫn đến từ đâu, nếu không phải là do chúng ta đã đọc sách Giôsuê chương 6 như một bản ký sự lịch sử. Làm như thế là đã làm về thể văn trong Kinh Thánh. Kinh Thánh không phải là bản văn khoa học hay lịch sử, vì thế đừng tìm trong sách Giôsuê chương 6 những dữ kiện để đối chiếu với kết luận của khảo cổ hay của lịch sử. Thay vào đó hãy đọc trong sách Giôsuê chương 6 thông điệp niềm tin mà tác giả muốn truyền tải qua trình thuật chiếm được thành Giêrikhô.

SÁCH GIÔSUÊ CHƯƠNG 6

Ý nghĩa của trình thuật chiếm thành Giêrikhô

Chúng ta trở lại khái niệm “chính xác” và “thực” để nói về trình thuật chiếm thành Giêrikhô (Gs 6).

Nếu hiểu theo nghĩa “Chính xác” (*exact*), tức là viết thật đúng như đã xảy ra trong lịch sử, như một bản ký lịch sử, bản khảo cứu khoa học, xét theo khía cạnh chính xác này thì những gì được thuật lại trong sách Giôsuê chương 6 về cách mà họ chiếm được thành Giêrikhô thì không đúng.

Nếu hiểu theo nghĩa “thực” (*vrai*), tức là viết đúng tâm tình, ý tưởng, xét theo khía cạnh thực thì những gì được truyền tải trong sách Giôsuê chương 6 về việc chiếm thành là “thực”.

Cứ cho là giả thuyết thành Giêrikhô đã bị sụp đổ trước khi Israel tiến vào là đúng, thì khi tiến vào thành Giêrikhô bị bỏ hoang, thay vì xem đó là chuyện ngẫu nhiên, Israel nhận ra đây là phép lạ Chúa làm cho dân Ngài. Chính Ngài đã trao đất Canaan cho Israel như lời Ngài đã hứa với các tổ phụ. Khi sách Giôsuê chương 6 nói rằng vì con cái Israel mà Giêrikhô đóng kín cổng thành, nội bất xuất ngoại bất nhập, và rằng chính mắt con cái Israel đã chứng kiến tường thành sụp đổ, tác giả sách Giôsuê chỉ muốn nói rằng nếu không do Chúa an bài, Israel không thể có được thành Giêrikhô – một thành trì mật quá lòng mong đợi. Israel chiếm được Giêrikhô rất dễ dàng, họ không mất một sinh mạng nào cũng chẳng tiêu hao sức lực, họ nhận ra đó chỉ có thể là việc của Chúa mà thôi.

Các giai đoạn soạn thảo sách Giôsuê²²

Nếu tìm hiểu về các giai đoạn mà sách Giôsuê

22. Thomas RÖMER, Jean-Daniel MACCHI, Christophe NIHAN, *Introduction à l'Ancien Testament*, Genève: Labor et Fides, 2004, trang 240-262.

được soạn thảo, sẽ càng thấy rõ hơn sách Giôsuê không phải là một bản tham chiếu lịch sử để phải bàn luận đến vấn đề mà khảo cổ xuất hiện như là một thách đố. Chúng ta cùng đi qua một vài điểm về các giai đoạn soạn thảo sách Giôsuê.

Các nhà nghiên cứu cho rằng sách Giôsuê sử dụng một số thành ngữ và hệ tu tưởng rất gần với các bản văn thời Assure – Babylon. Từ đó các nhà chuyên môn cho rằng sách Giôsuê được soạn thảo vào giai đoạn Assyria đang thống lãnh vùng Canaan, tức là thời vua Giôsia, với các nguồn tư liệu đã có trước. Trước sự đe dọa mất nước này, Sách Giôsuê là lời tuyên bố chống lại Assyria: Assyria không có quyền hành gì trên mảnh đất Israel. Đó là miền đất bất khả xâm phạm vì đây là miền đất mà chính Thiên Chúa đã ban cho Israel.

Thế rồi Giêrusalem đã mất, không phải vào tay quân Assyria, nhưng là vào tay Babylon. Thời lưu đày nổi trội một luồng suy tư có tầm ảnh hưởng khá lớn, các nhà chú giải gọi đó là truyền thống Đệ Nhị Luật. Theo luồng suy tư này, lưu đày chính là hình phạt Thiên Chúa giáng xuống dân Ngài vì tội của họ. Trong bối cảnh đó, người ta ngầm lại sách Giôsuê và

thêm vào vài đoạn, trong đó có di ngôn của Giôsuê tiên báo về viễn tượng lưu đày: *“Nếu anh em vi phạm giao ước mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em đã truyền cho anh em phải giữ, để đi theo các thần khác và sụp xuống lạy chúng, thì Đức Chúa sẽ bưng bưng nổi cơn thịnh nộ chống lại anh em, và anh em sẽ mau chóng biến khỏi đất tốt lành Ngài đã ban cho anh em”* (Gs 23,16).

Nghiên cứu còn cho thấy nhiều đoạn được thêm vào theo dòng thời gian mà dân Chúa ngấm lại sách Giôsuê. Và chuyện án tru hiến trong sách Giôsuê (Gs 6-7), chuyện cô kỹ nữ Rakháp và cả gia đình cô được cứu sống là những chuyện đã được thêm vào để trả lời cho những vấn nạn mà dân Chúa đang phải đối phó, đó là nguy cơ dân có thể bị lây nhiễm những thói thờ tà thần và phản bội giao ước khi phải sống giữa dân ngoại.

Ý NGHĨA ÁN THẦN TRU

Ý nghĩa của án thần tru

Như vừa trình bày, trong thực tế đã không có cuộc đánh chiếm thành Giêrikhô như sách Giôsuê trình bày, và như thế án tru hiến đối với thành Giêrikhô cũng đã không xảy ra trong lịch sử như những gì được trình bày trong sách Giôsuê chương 6²³ (bởi vì thành Giêrikhô đã bị bỏ hoang trước khi Israel tiến vào, không còn thành trì mà chiến đấu và tiêu diệt).

Án tru hiến đã không xảy ra trong lịch sử khi Israel tiến vào thành Giêrikhô như những gì sách Giôsuê chương 6 ghi lại; chỉ mãi sau này người ta mới viết ra nhằm cảnh báo dân tránh xa cám dỗ đưa đến

23. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire L'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 28. *La Bible – Notes Intégrales Traduction Oecuménique* (TOB). Cerf – Biblio, 2011, trang 360-361.

thờ tà thần. Vì vậy chúng ta không thể đọc án thần tru theo nghĩa đen, nhưng theo nghĩa ẩn dụ. Đó là đoạn tuyệt với tất cả những cố, những dịp đưa đến tội tà thần. Tà thần theo Kinh Thánh, là những gì không phải là Thiên Chúa, chúng chỉ là thụ tạo, mà con người lại thờ kính chúng thay vì thờ kính Thiên Chúa.

Án thần tru là diệt sạch những dân ngoại, diệt sạch những gì thuộc về dân ngoại. Nhưng đó không phải là mục đích của án thần tru, mục đích chính là đoạn tuyệt với việc thờ tà thần. Vậy tại sao sách Giôsuê lại dùng hình ảnh án thần tru, một hình ảnh gây xúc phạm tâm thức người thời nay, và làm méo mó hình ảnh của Thiên Chúa? Chúng ta biết, suốt dòng lịch sử của mình, Israel đã không tài nào dứt bỏ được tội thờ tà thần, và lưu đày được coi là hậu quả của sự bất trung của Israel đối với Chúa. Từ kinh nghiệm đau thương này, Israel nhận ra bao lâu còn sống chung giữa dân ngoại, Israel không tài nào thoát khỏi cám dỗ thờ tà thần. Vì thế tác giả sách Giôsuê đã dùng hình ảnh mạnh mẽ diễn tả một đòi hỏi gắt gao phải đoạn tuyệt, không nhượng bộ, không lấp lửng.

Chúng ta cũng đã làm như vậy khi đọc Tân Ước, chẳng hạn khi đọc Mt 18,8-9, không ai trong chúng

ta hiểu theo nghĩa đen lời của Chúa Giêsu dạy: *“Nếu tay hoặc chân anh nên có cho anh sa ngã, thì hãy chặt nó mà ném đi...”* (Mt 18,8-9). Không ai trong chúng ta đọc nó theo nghĩa đen, chúng ta biết nó mang nghĩa biểu tượng: đó là lời mời gọi một sự đoạn tuyệt hết sức khắt khe trước những dịp tội, dù giá phải trả là thế nào đi nữa.

Án thần tru và con người thời nay

Nếu án thần tru xem ra xúc phạm đến cảm thức của người thời nay, thì thông điệp của án thần tru vẫn khẩn thiết cho hôm nay. Sống giữa dân ngoại, Israel đã không thể làm cho muôn dân nhận biết Thiên Chúa là Thiên Chúa thật; trái lại, họ đánh mất cả căn tính của mình là Dân Riêng của Chúa, khi triền miên bị ảnh hưởng bởi lối sống của dân ngoại. Bài học của Israel là bài học của dân Chúa mọi thời và hôm nay. Chúng ta chưa vội bàn đến tội tà thần ở đây, mà chỉ cần bàn đến việc Kitô hữu đã vay mượn lối suy nghĩ, cách hành xử của thói đời vào trong đời sống Kitô hữu, chúng ta có thể nêu một vài điển hình.

Để tồn tại trong xã hội hôm nay, nhiều người phải loại trừ nhau dưới những hình thức khác nhau. Họ bị nhận chìm trong một thế giới của “chủ nghĩa cơ hội”. Họ tìm mọi cơ hội để tiến thân, nên không còn biết tin ai, và chẳng ai dám tin nhau, và dùng người khác để làm bàn đạp tiến thân. Các Kitô hữu luôn được mời gọi phải tinh tảo để không vay mượn những hình thức tiến thân không hợp với tinh thần Kitô giáo.

Chúng ta sống trong một thế giới vẫn còn có cơ chế không nhằm để phục vụ cho người cần đến, nhưng lại theo hình thức “ban ơn”. Rõ ràng cơ chế “ban ơn” không hề phù hợp với tinh thần Kitô giáo. Tiếc thay còn quá nhiều cơ chế trong đó có Kitô hữu (chẳng hạn trường học, nơi làm việc), và cả cơ chế trong Giáo Hội có sự lấy nhiệm lối cư xử thiếu tình người, thiếu tôn trọng con người mà theo hình thức “ban ơn”. Đức Phanxicô đã cảnh báo về hình thức “ban ơn” này trong cơ chế Giáo Hội và ngài gọi đó là “chiếc máy hồ sơ”²⁴.

24. Căn bệnh thứ ba trong 15 căn bệnh của giáo triều Roma mà Đức Phanxicô đề cập đến vào ngày 22/12/2014.

Chúng ta đang sống trong một môi trường đang mất dần tinh thần trao ban nhưng không, cho đi không tính toán, không chờ đáp trả. Mọi Kitô hữu được mời gọi làm sống lại ý thức trao ban nhưng không này. Trong khi đó, có những hình thức quyền tiền bằng phương tiện Lời Chúa, đang được phổ biến khá nhiều nơi. Khi làm điều gì, người ta đều đưa những giải thích xem ra logic để biện minh; nhưng chúng ta đừng quên luật luân lý: “Mục đích không thể biện minh cho phương tiện”. Thực ra, cách dùng Lời Chúa, hay những phương tiện thánh để quyền tiền không phải chuyện mới lạ. Từ thời Trung cổ, Giáo Hội đã từng bị điên đảo bởi bệnh dịch ghê sợ của việc buôn thần bán thánh, và Giáo Hội đã phải chứng kiến cuộc ly khai của Luther.

Trong bối cảnh hiện nay, nhìn vào những hình thức chúc mừng, chúc tụng nhau một cách hoành tráng trong những dịp có người trúng cử làm người phụ trách trong các cộng đoàn dâng hiến, làm sao người trẻ tránh khỏi mầm bệnh háo danh khi bước theo Đức Giêsu! Những điều này có thể khiến người khác lầm tưởng chức tước như là dấu chỉ của sự thành công, như là đích điểm của đời dâng hiến.

Chúng ta thường nghe quen kiểu nói: ai cũng làm vậy; phải vậy thôi, vì mình sống giữa đời mà! Làm như thế là vay mượn lối sống của thói đời và đưa thói đời vào đời sống Giáo Hội, chứ không phải Tin Mừng hóa cuộc đời.

Các hình thức mừng nhận chức quyền trong Giáo Hội không phải chuyện của hôm nay, hay của riêng thời đại chúng ta, nó đã có nguồn gốc lâu đời, và tại Roma. Marco Politi, một nhà báo cũng là nhà sử học người Ý, đã phân tích cho chúng ta vài điều về khía cạnh này. Trước đây, mỗi khi có giáo hoàng mới đắc cử, các nhân viên Vatican sẽ được tiền thưởng. Cách hành xử này là dấu tích của vẻ hào nhoáng thời quân chủ, như người ta thường mừng các cận thần khi có tân vương lên ngôi. Đức Phanxicô, khi vừa trúng cử, ngài đã bỏ tập tục vay mượn thói lệ quân chủ này²⁵. Bên cạnh việc thưởng tiền cho các nhân viên Vatican dịp bầu giáo hoàng mới, còn nhiều nghi thức khác mang dấu vết của vẻ hào nhoáng thời phong kiến, mà trước Đức Phanxicô, một số vị giáo hoàng đã ý thức

25. Marco Politi, *Cuộc cách mạng của Giáo Hoàng Phanxicô – Francesco Tra I Lupi*, Paris, 2015; người dịch Giuse Ngô Gia Biên, OP, trang 104-105.

điều này. Chẳng hạn, trước đây, người ta còn thấy giáo hoàng ngồi trên kiệu khiêng, xung quanh là những cây quạt hình cành cọ, đó là di sản thời các Pharaô Ai Cập. Đức Gioan Phaolô II đã loại bỏ kiệu khiêng, điều mà trước đó, Giáo hoàng Luciani đã thấy nhưng không dám thay đổi. Cùng vậy, việc các hồng y vào quỳ phục trước giáo hoàng là sự thần phục của chư hầu khi ra chào hoàng đế Roma, vị vua của các vua Ba Tu. Đến thời Gioan XXIII, khi ông Cesidio Lolli, phó giám đốc tờ báo Osservatore Romano, quỳ xuống trước mặt Đức Gioan XXIII dịp ngài vừa được bầu, Đức Gioan XXIII không chấp nhận cử chỉ này và ngài nói một câu đầy tính ngôn sứ: “Người ta chỉ quỳ gối để cầu nguyện”.²⁶

Mệnh lệnh án thần tru vẫn luôn khẩn thiết cho mọi thời trong đời sống Giáo Hội, đó là lời mời tránh xa những nguy hiểm, những lối sống vay mượn thói đời. Nhưng Israel xưa đã không tài thoát khỏi, thì chúng ta cũng biết đó là cám dỗ triền miên đối với Giáo Hội, và cuộc trở về với căn tính Kitô hữu cũng phải trải qua cuộc lưu đày như Israel xưa.

26. Marco Politi, *Cuộc cách mạng của Giáo Hoàng Phanxicô – Francesco Tra I Lupi*, Paris, 2015; người dịch Giuse Ngô Gia Biên, OP, trang 102-103.

THÁNH VỊNH NGUYỄN RÙA

Làm sao có thể cầu nguyện bằng Thánh Vịnh Nguyễn Rùa?

Khi nói về bộ Thánh Vịnh, André Chouraqui, một thi sĩ Do Thái, viết: “Chúng tôi sinh ra với cuốn Thánh Vịnh trong bụng mình. Đây là một cuốn sách gồm 150 bài thơ, 150 cung bậc giữa cái chết và sự sống, 150 tấm gương phản ánh những cuộc nổi loạn và những sự bất trung của chúng ta, những cơn hấp hối và những lần hồi sinh của chúng ta. Còn hơn cả một cuốn sách, đó là một người đang nói, đang sống, đang đau khổ, đang rên rỉ và đang chết dần mòn, nhưng rồi đang sống lại và đang hát trước ngưỡng cửa đời đời...”²⁷.

27. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 94.

Thế nhưng một số Thánh Vịnh đã gây nhiều bối rối cho các tín hữu vì tính bạo lực của nó. Đó là những Thánh Vịnh được gọi là Thánh Vịnh Nguyễn Rửa.

Thánh Vịnh Nguyễn Rửa – Những lời cầu nguyện đầy bạo lực

Mở lại các Thánh Vịnh, người đọc không khỏi ngỡ ngàng về tính bạo lực trong một số Thánh Vịnh.

“Lạy Thiên Chúa là Đấng con ca ngợi, xin Chúa đừng lặng thinh. Bỏ kẻ gian ngoa độc dữ mở miệng nhằm hại con...Ước gì ngày đời nó bị rút ngắn... con cái nó trở thành mồ côi, còn vợ nó ra người góa bụa!... Ước chi chẳng còn ai tình nghĩa gì với nó, chẳng người nào thương lữ con nó mồ côi, dòng dõi nó bị tru di tam tộc, sau một đời tên tuổi xóa nhòa...”
(Tv 109,1-19).

Thánh vịnh gia bộc lộ tâm trạng hận thù, kéo Chúa về phía mình và xin Ngài ra tay hại quân thù của mình. Không những Thánh vịnh gia xin Chúa chống lại kẻ làm khổ mình, mà cả gia đình của kẻ thù, đến những đứa trẻ vô tội cũng không tha. Chúng ta còn tìm thấy những hình ảnh rất bạo lực ở những

Thánh Vịnh khác, nó khó có thể phù hợp với tinh thần Tin Mừng, chẳng hạn:

“Lạy Chúa xin trời dậy, cứu lấy con, lạy Thiên Chúa con thờ. Mọi kẻ thù con, Ngài đánh cho vỡ mặt, bọn gian ác, Ngài đập cho gãy răng” (Tv 3,8); hoặc *“Gái Ba-by-lon hỡi, đồ trời tru đất diệt! Phúc thay người xử lại với mi, như mi đã xử với ta! Phúc thay người bắt con thơ của mi mà đập đầu vào đá”* (Tv 137,8-9).

Phản ứng loại trừ những Thánh Vịnh Nguyên Rửa

Lời cầu nguyện trong các Thánh Vịnh Nguyên Rửa rõ ràng xa lạ với giáo huấn yêu thương của Đức Giêsu. Các Kitô hữu thường tự hỏi, làm thế nào để cầu nguyện với những Thánh Vịnh Nguyên Rửa. Trước những bối rối này, Giáo Hội đã quyết định loại bỏ một số Thánh Vịnh khỏi phụng vụ với lý do “tránh gương mù gương xấu”. Một số Thánh Vịnh khác bị cắt xén, chẳng hạn Thánh Vịnh 110, một Thánh Vịnh rất quen thuộc và được coi là Thánh Vịnh mang tính Messia. Khi được đưa vào phụng vụ,

nó đã bị cắt mất câu 6: “*Sẽ xét xử muôn dân, chất thây ma thành đống, đập tan bao thủ lãnh trên miền đất mênh mông*”. Hoặc Thánh Vịnh 137, rất quen thuộc, nói về tâm trạng của những người lưu đày: “*Bờ sông Ba-by-lon, ta ra ngồi nức nở mà tưởng nhớ Xi-on*”. Trong kinh thần vụ, chúng ta chỉ đọc đến câu 5, còn những câu sau chúng ta không hề đọc. Đó chính là những câu mang tính bạo lực vừa nêu trên: “*Gái Ba-by-lon hỡi, đồ trời tru đất diệt! Phúc thay người xử lại với mi, như mi đã xử với ta! Phúc thay người bắt con thơ của mi mà đập đầu vào đá*” (Tv 137,8-9).

Tuy nhiên, càng ngày càng có nhiều nhà chú giải lên tiếng từ chối giải pháp loại bỏ các Thánh Vịnh Nguyễn Rửa ra khỏi phụng vụ²⁸. Trong khi đó vẫn còn những nhà chú giải coi việc loại bỏ này là hoàn toàn chính đáng²⁹. Phải chờ đến tài liệu của Ủy ban Thánh Kinh Giáo Hoàng trong tập tài liệu

28. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 105.

29. Có thể thấy trong *The New Interpreter's Bible* (12 vols), vol VII. Nashvill: Abingdon Press, 1996, trang 619: khuyến hướng ủng hộ lập trường từ chối những trang Thánh Kinh mang tính bạo lực.

Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh, ra đời năm 2014, mới có tiếng nói chính thức của Giáo Hội về việc nhìn nhận giá trị riêng của các Thánh Vịnh Nguyên Rửa, tài liệu có đoạn ghi: “*Mặc dầu tôn trọng quyết định cần trọng khi loại bỏ khỏi phụng vụ những gì được xem là gương mù gương xấu, tuy nhiên cần phải có những chỉ dẫn cần thiết, giúp các tín hữu thích nghi với toàn bộ gia sản lời cầu nguyện của dân Israel ngay cả hôm nay, như đã diễn ra trong quá khứ*”³⁰.

Cầu nguyện cùng các Thánh Vịnh Nguyên Rửa

Tài liệu của Ủy ban Thánh Kinh Giáo Hoàng mở ra hướng cụ thể cho việc cầu nguyện với các Thánh Vịnh này trong sự tôn trọng gia sản tinh thần của dân Chúa. Trong đó nêu lên những khía cạnh cần nhìn lại khi cầu nguyện với các Thánh Vịnh này.

30. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 128; số 104-150.

Hiểu theo nghĩa ẩn dụ

Với các Thánh Vịnh Nguyên Rửa, khi áp dụng trong việc cầu nguyện, chúng ta không được hiểu nó theo nghĩa đen, mà phải hiểu theo nghĩa ẩn dụ. Chẳng hạn Thánh Vịnh 3 câu 8: *“Lạy Chúa, xin trời dậy, cứu lấy con, lạy Thiên Chúa con thờ. Mọi kẻ thù con, Ngài đánh vỡ mặt, bọn gian ác, Ngài đập gãy răng”* (bản dịch Cha Thuấn: *“Lạy Yavê xin hãy trời dậy! Lạy Thiên Chúa tôi, xin hãy cứu tôi! Ngài đánh trật hàm mọi kẻ thù tôi, Ngài đập gãy nanh lũ ác nhân”*), có nghĩa là muốn chặn đứng ngay sự gian dối và tham lam nơi người quyền thế; với Thánh Vịnh 137 câu 8 và câu 9: *“Gái Ba-by-lon hỡi, đồ trời tru đất diệt! Phúc thay người xử lại với mi, như mi đã xử với ta! Phúc thay những người bắt con thơ của mi mà đập đầu vào đá”*, mong muốn đập đầu con thơ của kẻ thù vào đá, đó là muốn loại bỏ đến cả mầm mống tương lai của sức mạnh xấu xa, một sức mạnh làm hủy hoại sự sống...

Thánh Vịnh và hoàn cảnh

Người cầu nguyện được mời gọi áp dụng lời của Thánh Vịnh vào hoàn cảnh của mình, xem cái gì là

kẻ thù gây hại cho mình trong hoàn cảnh cụ thể của mình. Đây là hành động mang tính ngôn sứ dưới sự soi sáng của Chúa Thánh Thần.

Dần dần người cầu nguyện sẽ khám phá ra rằng kẻ thù không đơn thuần là những kẻ gây nguy hại đến đời sống thể lý hay nhân phẩm của con người, nhưng còn là kẻ mưu hại đến đời sống tinh thần của người cầu nguyện. Người cầu nguyện sẽ tự hỏi đâu là những thế lực thù địch mà các tín hữu phải đối mặt? Chẳng hạn, đối với tín hữu, thì ai hay cái gì là “su tử xé thây vang gầm” mà Thánh vịnh gia nói đến trong Thánh Vịnh 22 câu 14? Ai hay cái gì là kẻ đã “mài lưỡi nhọn như lưỡi rắn, chứa đầy mòm nọc độc hổ mang”, được diễn tả trong Thánh Vịnh 140 câu 4. Chúng là ai, là cái gì khiến các tín hữu phải căm thù giận dữ mãi khôn nguôi và cầu mong Chúa loại trừ chúng đi?

Mang lấy đau khổ của người khác trong cầu nguyện

Giáo Hội mời gọi chúng ta, khi đọc Thánh Vịnh Nguyên Rửa, hãy mang lấy nỗi đau của những người bị bách hại. Nếu mang trong mình nỗi đau, sự đồng cảm với những người đang bị sự dữ nghiền

nát một cách bất công dưới muôn vàn hình thức, người cầu nguyện sẽ hiểu được phần nào tiếng kêu của Thánh vịnh gia vẫn đang kêu gào trong chúng ta qua những anh em khốn khổ. Mang lấy nỗi đau của những người khốn khổ, chúng ta sẽ phần nào hiểu được tiếng kêu trong các Thánh Vịnh Nguyên Rửa là tiếng kêu của khát vọng một cuộc sống không còn bạo lực hoành hành. Ngược lại, thái độ dè chừng Thánh Vịnh Nguyên Rửa, lên án sự bạo lực trong Thánh Vịnh, có thể ẩn chứa trong ta một sự bàng quang trước nỗi đau của người bị bách hại, và có thể mình đang đứng về phía người bách hại nên vô cảm trước tiếng kêu cứu của người bị bách hại qua Thánh Vịnh Nguyên Rửa chăng? Đau khổ là kinh nghiệm rất riêng tư, không thể lấy bản thân mình làm thước đo, làm bài học dạy đời cho những người đau khổ khác. Cùng một sự việc, cùng một sự mất mát, cùng một nỗi đau, nhưng sự tổn thương của mỗi người trước những mỗi sự việc không hề giống nhau. Vì thế cần học biết cảm thương và nhất là tôn trọng nỗi đau của người khác, tôn trọng tiếng kêu của người đau khổ.

**Tiếng kêu đòi công lý
và phó thác vào sự xét xử của Chúa**

Trong Thánh Vịnh Nguyên Rùa, người cầu nguyện không bày tỏ gì khác hơn là phó thác vào Thiên Chúa nhiệm vụ thực thi sự công bình, mà ngoài Ngài ra, không ai có thể làm được. Việc xin Chúa chống lại kẻ dữ, cho thấy một sự từ bỏ và phó thác về phía người cầu nguyện: họ không tự mình trả thù đối phương; nhưng tín nhiệm vào hành động của Chúa, Đấng có thể làm thích ứng với sự nghiêm trọng của tình huống và hoàn toàn phù hợp với chính bản tính của Thiên Chúa. Người đọc cảm thấy dường như Thánh vịnh gia vẽ ra cho Chúa cách hành động đối với kẻ thù. Điều đó chỉ nhằm diễn tả sự mong muốn sự dữ bị loại bỏ, và mong chờ những người khiêm nhu sẽ được bước vào cõi sống.

Thánh Vịnh Nguyên Rùa là lời thú nhận khiêm tốn rằng, sức mạnh của sự dữ thật đáng sợ, vượt cả sức chịu đựng và lòng khoan dung của mình; đồng thời đó cũng là lời tuyên xưng vào tình yêu và quyền năng của Chúa, quyền năng đó còn lớn hơn sự dữ rất nhiều, chỉ mình Ngài mới có thể giải thoát họ. Nó

không gì khác hơn là tiếng kêu đòi công lý. Tuy nhiên, không nên tách rời hình ảnh Thiên Chúa trừng phạt ra khỏi hình ảnh Thiên Chúa yêu thương³¹.

Kết luận

Nói về việc cầu nguyện bằng các Thánh Vịnh Nguyễn Rửa, nhà chú giải Charpentier³² đã có những lời khá thú vị: với Đức Giêsu, ý nghĩa của lời cầu nguyện nguyện rửa sẽ hoàn toàn thay đổi và trở thành lời cầu nguyện hiến tế. Thật vậy, bài ca về: “Ngày báo phục của Thiên Chúa” trong sách ngôn sứ Isaia rất khủng khiếp, Thiên Chúa nghiền nát kẻ thù, và áo choàng của Ngài nhuộm máu kẻ thù: *“Tại sao y phục Ngài lại đỏ? Trang phục Ngài như áo người đập bòn nho? Duy mình Ta, Ta đập nơi bòn ép,... Ta đã đập nát chúng trong lúc thịnh nộ, đã giày xéo chúng trong cơn lôi đình; nước ép từ nơi chúng bắn vọt lên trang phục của Ta, Ta đã làm nho bần. Vì*

31. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 128; số 126.

32 Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 104.

một ngày báo phục, lòng Ta đã quyết...” (Is 63,1-6). Sách Khải Huyền dùng lại hình ảnh áo choàng đẫm máu để nói về cái chết của Đức Giêsu như sau: *“Ngài khoác một chiếc áo choàng đẫm máu, và danh hiệu của Ngài là Lời của Thiên Chúa” (Kh 19,13).* Trong khi Cựu Ước loan báo về Ngày báo phục với hình ảnh máu của kẻ thù sẽ bị đổ ra, chúng phải chịu trị tội, thì với Khải Huyền, chúng ta hiểu rằng Đức Giêsu đã gánh lấy án phạt đó, Ngài đã gánh trên mình tội lỗi của muôn dân, và từ nay máu đổ ra chính là máu của Con Thiên Chúa, thay vì máu của kẻ gian ác!

Cầu nguyện bằng các Thánh Vịnh Nguyên Rửa cùng với Đức Giêsu sẽ dẫn đưa chúng ta đến chân Thập Giá. Trong tiếng kêu gào đòi báo oán trước những bất công và bạo lực, chúng ta sẽ dần cầu xin Chúa cho mình đủ sức chấp nhận chết đi chính mình để có thể học biết thế nào là tha thứ. Cầu nguyện với Thánh Vịnh Nguyên Rửa cũng là lúc ta nhận ra tình yêu và sự tha thứ Chúa dành cho mình. Vì lẽ ra tôi đáng phải nghe những lời nguyện rửa dành cho kẻ dữ do bao tội lỗi mình gây nên, nhưng chính Đức Giêsu đã mang lấy vào thân Ngài, và đền thay tội lỗi cho tôi.

**PHẢI CHĂNG
THIÊN CHÚA THỜI CỤ ƯỚC
TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?**

Trong tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng 2014, Giáo Hội khuyên chúng ta không nên tách rời hình ảnh Thiên Chúa trưng phật ra khỏi hình ảnh Thiên Chúa yêu thương³³.

Đừng vội cho rằng con người thời Cựu Ước chưa nghe biết phải xử tốt đối với kẻ thù của mình; không thiếu những đoạn Cựu Ước đã nói về điều này, chẳng hạn sách Xuất Hành dạy như sau:

“Nếu gặp bò hay lừa của kẻ thù đi lạc, người phải dẫn nó về cho người ấy. Nếu thấy lừa của kẻ ghét người quy ngã vì chở nặng, người không được

33. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 128; số 126.

để mặc người ấy; người phải giúp người ấy đỡ lừa dẫy” (Xh 23,4).

Sách Châm Ngôn cũng cho lời khuyên, nói theo ngôn ngữ nhà nho, đó là những lời khuyên quân tử: *“Khi quân thù gục ngã, con chớ lấy làm vui; lúc nó bị lao đảo, lòng con chớ reo mừng” (Cn 24,17); hoặc: “Kẻ thù con có đói, hãy cho nó ăn; nó có khát, hãy cho nước uống” (Cn 25,21).*

Cụm Ước vẫn mặc khải về lòng thương xót của Thiên Chúa, chúng ta có thể đọc thấy:

- Câu chuyện tình của ngôn sứ Hôsê (Hs 2).

- *“Hỡi Epraim, Ta từ chối người sao nổi! Hỡi Israel, Ta trao nộp người sao đành!... Trái tim Ta thốn thức, ruột gan Ta bồi hồi...” (Hs 11,8).*

- *“ĐỨC CHÚA phán: hãy đến đây, ta cùng nhau tranh luận! Tội các người, dầu có đỏ như son, cũng ra trắng như tuyết, có thắm tựa vải điều, cũng hóa trắng như bông” (Is 1,18).*

- *“Có phụ nữ nào quên được đứa con thơ của mình, hay chẳng thương đứa con mình đã mang nặng đẻ đau? Cho dù nó có quên đi nữa, thì Ta, Ta*


cũng chẳng quên người bao giờ” (Is 49,15).

- Sách Xuất Hành chương 34 câu 6 là mạc khải của Thiên Chúa về chính Ngài: Đức Chúa đi qua trước mặt ông và phán: *“Đức Chúa! Đức Chúa! Thiên Chúa nhân hậu và từ bi, hay nén giận và giàu lòng nhân nghĩa”.*

Vì những đoạn Cựu Ước mang tính bạo lực, người ta dễ vẽ nên một Thiên Chúa Cựu Ước khát khe. Việc nhấn mạnh sự khát khe của Thiên Chúa trong Cựu Ước lắm khi làm cho khuôn mặt của Thiên Chúa Cựu Ước không còn liên quan gì đến khuôn mặt của Thiên Chúa trong Tân Ước; trong khi đó niềm tin dạy chỉ có một Thiên Chúa Duy Nhất. Đấng mà Israel gọi là Thiên Chúa, chính là Đấng mà Đức Giêsu gọi là Cha.

Phân Phụ Lục

AI CÓ THỂ ĐỌC KINH THÁNH?

 i cũng có thể đọc Kinh Thánh. Và đây lại là điều nguy hiểm, bởi vì người ta có thể giải thích đoạn Kinh Thánh theo ý họ muốn với não trạng và văn hóa của họ, người ta có thể áp đặt lên đoạn Kinh Thánh nói điều mà đoạn Kinh Thánh không có ý nói. Vì thế khi đọc đoạn Kinh Thánh, cần tuân thủ một vài nguyên tắc, chẳng hạn phân biệt thể loại văn chương; phân tích bản văn Kinh Thánh một cách cẩn thận; đặt đoạn Kinh Thánh trong bối cảnh văn chương của nó và bối cảnh lịch sử bản văn Kinh Thánh ra đời.

Chẳng hạn “*Ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy giữa họ.*” (Mt 18,20).

Nếu chỉ đọc câu này, người ta có thể dựa vào đó để đề cao việc cầu nguyện chung như là phương thế tuyệt hảo nhất. Nhưng khi đặt trích dẫn này

(Mt 18,20) vào đoạn mà nó được trích ra, thì đó là đoạn Tin Mừng nói về sửa lỗi trong cộng đoàn; việc tụ họp hai ba người ở đây nhằm mục đích mang lại hiệu quả trong việc sửa lỗi huynh đệ, hơn là đề cao việc cầu nguyện chung của hai ba người.

Khi đặt vào tổng thể của Tin Mừng Mátthêu, thì việc cầu nguyện riêng cũng có một giá trị nhất định, chúng ta có thể đọc thấy ở Tin Mừng Mátthêu chương 6 câu 6 như sau: *“Còn anh, khi cầu nguyện, hãy vào phòng, đóng cửa lại, và cầu nguyện cùng Cha của anh, Đấng hiện diện nơi kín đáo...”*. Trong cuộc đời của Chúa Giêsu, Ngài thường xuyên cầu nguyện một mình, nhất là vào những thời khắc quan trọng nhất, chẳng hạn trước khi Ngài bước vào cuộc Khổ Nạn, chúng ta đọc thấy trích dẫn này: *“Bấy giờ Đức Giê-su đi cùng với các ông đến một thửa đất gọi là Ghết-sê-ma-ni. Ngài nói với các môn đệ: Anh em ngồi lại đây, Thầy đến đằng kia cầu nguyện”* (Mt 26,36).

Kinh Thánh không phải là những câu thần chú cứ rút ra từng câu để áp dụng vào mọi hoàn cảnh. Có những câu Kinh Thánh được tương đối hóa bởi câu khác:

“Đừng đáp lại đũa ngu theo cái ngu của nó, kéo chính con cũng lại giống nó thôi” (Cn 26,4).

Nhưng trích dẫn dưới đây lại cho lời khuyên hoàn toàn ngược lại: *“Hãy đáp lại đũa ngu theo cái ngu của nó, kéo nó cứ tưởng là nó khôn” (Cn 26,5).*

Ở đây, chúng ta đang trong thể loại châm ngôn, nó phản ánh một nền minh triết dựa trên kinh nghiệm và thực tiễn. Mỗi người phải tự tìm lấy cách ứng xử cho từng trường hợp riêng. Không có câu trả lời làm sẵn cho mọi nơi mọi lúc. Khôn ngoan đích thực vẫn luôn bỏ ngõ, không bao giờ hoàn tất. Nó không hề đóng khung trong một hệ thống khép kín, và không cho phép tuyệt đối hóa câu châm ngôn nào, hay một kinh nghiệm nào.

Chúng ta cũng có kinh nghiệm về sự tương đối của những câu triết lý mà chúng ta quen nghe trong cuộc sống, chẳng hạn người xưa thường dạy: “Im lặng là vàng”; còn Martin Luther King, nhà hoạt động xã hội, từng nói: *“Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người tốt”*. Không phải lúc nào im lặng cũng là vàng, vì im lặng trước sự dữ là đồng lõa với sự ác.

Như vậy, cần tránh sự phóng chiếu tâm lý tình cảm của con người để giải thích về Thiên Chúa, vì nếu làm như thế, chúng ta dễ hạ thấp mạc khải ngang tầm triết lý của con người, và chúng ta không đủ khả năng đón nhận mạc khải đến từ Thiên Chúa.

Người không tin có thể đọc Kinh Thánh không?

Ai cũng có thể đọc Kinh Thánh: người tin cũng như người không tin, Kitô hữu cũng như người ngoài Kitô giáo. Nhưng nếu người đọc không chia sẻ niềm tin với tác giả Kinh Thánh, thì họ chỉ đọc như một người thích văn chương, đọc vì tính hiếu kỳ. Đọc như thế sẽ không hiểu đúng ý của tác giả Kinh Thánh. Vì mục đích của tác giả Kinh Thánh là nhằm truyền tải thông điệp niềm tin. Việc đọc Kinh Thánh chỉ thực sự có ý nghĩa đối với người đọc, khi họ cùng chia sẻ niềm tin với tác giả Kinh Thánh³⁴.

³⁴ Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 9; *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique* (TOB). Paris: Cerf, 2011, trang 18-19.

Có thể nói, Kinh Thánh như một bức thư tình, chỉ có người trong cuộc mới hiểu, mới cảm được hết tình ý của bức thư. Người đọc Kinh Thánh được mời gọi nhập cuộc, để nghe từng lời trong Kinh Thánh đang nói với mình, đang hướng về mình. Chúng ta sẽ nghe lời của ngôn sứ Nathan trách Đavít về tội giết Uriah và cướp vợ của ông ta như đang nói với chính mình: “Người đó chính là người”. Giữa một thế giới nặng vật chất, người ta có thể làm khi đánh giá người khác, và đánh giá mình dựa trên địa vị, tiền tài; và có khi chính mình thất vọng về mình khi thấy mình không ra gì; hãy nghe Lời Chúa ngỏ với Israel qua ngôn sứ Isaia là lời dành cho riêng bạn: “*Trước mắt Ta, người thật quý giá, vốn được Ta trân trọng và mến thương...*” (Is 43,4). Những lúc chúng ta cảm thấy sự dữ ngày một thắng thế, tưởng chừng như tất cả đang bị nhận chìm dưới sức mạnh của sự ác, hãy nghe lời Thầy Giêsu đang nói với bạn: “*Can đảm lên, Thầy đã thắng thế gian*” (Ga 16,33).

Người đọc Kinh Thánh được mời lắng nghe Lời Chúa đang ngỏ với chính mình, ngỏ với riêng mình. Người đọc được mời gọi đi vào cuộc gặp gỡ cá vị với Đấng ban Lời Hằng Sống.

Khi Kitô hữu đọc Kinh Thánh

Đối với Kitô hữu, việc đọc Kinh Thánh hướng người đọc đến việc lắng nghe Lời Chúa nói với chính mình, để Lời Chúa soi sáng cuộc sống của mình, để mình có thể đi vào mối tương quan gặp gỡ với Đấng ban Lời Hằng Sống. Và đây lại là một nguy hiểm không hề nhỏ, vì người ta có thể lạm dụng Kinh Thánh nhằm phục vụ cho tư lợi. Chẳng hạn có nhà độc tài đã từng áp dụng Lời Chúa trong Thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma (Rm 13,1) để biện minh cho quyền bính độc tài của ông; ông tuyên bố một cách tinh quái và mỉa mai như sau: mọi quyền bính đến từ Thiên Chúa; tôi đang nắm quyền bính, vậy tôi đến từ Thiên Chúa. Vì thế, mời gọi người đọc Kinh Thánh ý thức mình rất cần sự khiêm nhường, rất cần ơn Chúa Thánh Thần để đọc Kinh Thánh, hầu tránh xa việc dùng Lời Chúa như vũ khí nhằm tìm vinh danh con người vì chỉ mình Thiên Chúa mới đáng được tôn vinh.

Hiểu biết chú giải Kinh Thánh

Để hiểu đoạn Kinh Thánh, nhất thiết phải theo các phương pháp chú giải Kinh Thánh và tham khảo ý kiến của nhà chú giải Kinh Thánh. Tuy nhiên, nên tránh mất giờ với những chú giải mang tính diễn giải, suy đoán, nhất là về những điều mà bản văn Kinh Thánh không nói đến (chẳng hạn Ga 8,7: Tin Mừng chỉ nói Chúa Giêsu lấy ngón tay viết trên cát và không nói Chúa Giêsu viết gì. Chúng ta không nhất thiết phải mất giờ để nghe theo nhà chú giải đã đi quá xa khi đưa ra những giả định về điều Chúa Giêsu viết). Người đọc cần có khả năng phân tích và nhận định, không nên dễ dàng xem các ý kiến chú giải như một kết luận chắc chắn. Cũng nên biết rằng các ý kiến, các giả thuyết của chú giải có thể thay đổi do những khám phá mới. Chẳng hạn trước đây hầu hết các nhà chú giải đều đồng ý về thuyết Bốn Truyền Thống (J, E, P, D), ngày nay thuyết này đã được xem xét lại một vài điểm đáng kể.

Kiến thức cần thiết về Kinh Thánh

Thông thường, muốn đọc Kinh Thánh, người đọc cần có một vốn kiến thức nào đó về Kinh Thánh, đôi khi đòi phải biết khá nhiều điều để có thể giúp khám phá bản văn Kinh Thánh. Tuy nhiên, người đọc có thể chọn theo cách của Cha Paul Beauchamp³⁵: cứ bắt đầu với chính bản văn Kinh Thánh; chúng ta sẽ học hỏi, tìm kiếm các kiến thức liên quan đến Kinh Thánh trong lúc nghiên cứu bản văn. Với cách này, thay vì mất nhiều giờ để “nói về Kinh Thánh”, chúng ta sẽ ưu tiên thời gian cho việc “đọc Kinh Thánh”.

35. Paul Beauchamp, *Psaumes Nuit et Jour*. Paris: Seuil, 1980, trang 15.

KINH THÁNH DO THÁI GIÁO
KINH THÁNH CÔNG GIÁO
KINH THÁNH TIN LÀNH

**Từ “Kinh Thánh”
được dùng trong Tân Ước**

Trong Tân Ước, từ Kinh Thánh, hay Sách Thánh, được nhắc đến thường xuyên, chẳng hạn: *“Vậy khi Ngài từ cõi chết trỗi dậy, các môn đệ nhớ lại Ngài đã nói điều đó, họ tin vào Kinh Thánh và lời Đức Giêsu đã nói”* (Ga 2,22), hoặc: *“Rồi bắt đầu từ ông Mô-sê và tất cả các ngôn sứ, Ngài giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Ngài trong tất cả Sách Thánh”* (Lc 24,27). Từ “Sách Thánh” ở đây được hiểu là Cựu Ước; còn với Kitô hữu chúng ta thời nay, từ Sách Thánh hiểu là Kinh Thánh trọn bộ.

Kinh Thánh của Do Thái giáo trở thành Cựu Ước cho Kitô hữu kể từ khi họ có phần Tân Ước.

Cựu Ước và Tân Ước có nghĩa là giao ước cũ và giao ước mới. Vậy Thánh Kinh là toàn bộ những sách viết về Giao Ước mà Thiên Chúa đã ký kết với Israel qua trung gian của ông Môsê (giao ước cũ) và được hoàn tất trong Đức Giêsu (giao ước mới)³⁶.

Kinh Thánh: một cuốn sách như một thư viện

Chúng ta gọi là cuốn Kinh Thánh, nhưng thực ra đó không phải chỉ là một cuốn sách nhưng là cả một thư viện, vì những lý do sau:

Thứ nhất, Kinh Thánh gồm nhiều cuốn sách: (sách Sáng Thế, sách Xuất Hành... Cựu Ước gồm 46 cuốn; Tân Ước gồm 27 cuốn).

Thứ hai, Kinh Thánh được viết qua nhiều giai đoạn khác nhau, từ cuốn đầu tiên được viết ra cho đến cuốn cuối cùng cách nhau khoảng 10 thế kỷ.

36. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 6.

Những đoạn Kinh Thánh được coi là cổ nhất nằm trong sách ngôn sứ Hôse và Amốt³⁷, được viết vào khoảng thế kỷ thứ VIII trước Công Nguyên³⁸; còn Sách Khải Huyền, được coi là cuốn sách được viết sau cùng của thời Tân Ước, có lẽ vào khoảng những năm 90-100 sau Công Nguyên³⁹.

Thứ ba, Kinh Thánh có nhiều ngôn ngữ (ba ngôn ngữ) và có nhiều thể loại văn thể khác nhau được dùng trong Kinh Thánh: trình thuật, thơ phú, lời cầu nguyện, châm ngôn, ngụ ngôn và có cả những đoạn theo lối văn huyền thoại...

Bản Kinh Thánh Hypri được dịch sang tiếng Hy Lạp

Cựu Ước được viết bằng tiếng Hypri, và một vài đoạn hiếm hoi bằng tiếng Aram (Đn 2-7; một

37. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 81.

38. Thomas RÖMER, Jean-Daniel MACCHI, Christophe NIHAN, *Introduction à l'Ancien Testament*. Genève: Labor et Fides, 2004, trang 393.

39. Daniel Marguerat, *Introduction au Nouveau Testament*, Genève: Labor et Fides, 2000, 2001², 2004³, trang 395.

phần trong Er 4-7). Hypri và Aram là hai ngôn ngữ Semit khá gần nhau (ngôn ngữ Semit là ngôn ngữ bắt nguồn từ Trung Đông).

Chữ viết Hypri được viết từ phải sang trái, chữ viết có dạng hình vuông; nó chỉ được viết bằng các phụ âm, không có nguyên âm; người đọc phải đoán ra nguyên âm theo nghĩa họ hiểu (Chẳng hạn, Giêsu, chỉ được viết với hai phụ âm: G và S; người ta có thể đọc là Giêsu, Giuse và Giôsue). Mãi đến khoảng thế kỷ VIII thời Công Nguyên, những học giả Do Thái đã ghi thêm những nguyên âm dưới hình thức những dấu chấm vào bên trên hoặc bên dưới các phụ âm trong nguyên bản. Người ta gọi những người Do Thái làm công việc thêm những nguyên âm này là *Massorettes* (nghĩa là dịch giả); từ đó bản Kinh Thánh Cựu Ước có ghi thêm nguyên âm được gọi là những bản văn massorétiques⁴⁰.

Khoảng thế kỷ thứ III trước Công Nguyên, Cựu Ước được dịch sang tiếng Hy Lạp tại Alexandria (Ai Cập). Theo một huyền thoại, có 70 kỹ lục làm việc

40. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 13.

riêng rẽ nhưng đều dịch đúng y như nhau. Ý nghĩa của huyền thoại này là bản dịch được Thiên Chúa linh ứng. Vì vậy người ta gọi bản Hy Lạp này là “Bản Bảy Mươi” (viết tắt là LXX)⁴¹.

Ngoài việc dịch những sách từ Hyri sang Hy Lạp, Bản Bảy Mươi có thêm 7 cuốn sách khác được viết bằng tiếng Hy Lạp, hoặc được lưu lại bằng tiếng Hy Lạp (chẳng hạn sách Huấn ca có bản gốc Hyri, nhưng bị thất lạc, chỉ còn lưu lại bản dịch Hy Lạp).

Tân Ước, 27 cuốn, được viết bằng tiếng Hy Lạp. Những nhà chuyên môn sẽ dịch Kinh Thánh từ bản gốc, tức Hyri cho Cựu Ước và Hy Lạp cho Tân Ước.

Việc hình thành Quy Điển Hyri của người Do Thái

Trước đó người Do Thái vẫn đọc cả những cuốn Sách Thánh viết bằng tiếng Hy Lạp, chỉ mãi đến năm 70 thời Công Nguyên, sau biến cố Giêrusalem bị bình địa bởi quân Rôma, các Rabbi họp nhau ở

41. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 7.

Jamia, nhằm tìm cách duy trì sự hiệp nhất dân tộc Do Thái, và họ đã ấn định quy điển Kinh Thánh của họ. Theo đó, người Do Thái chỉ giữ lại những sách viết bằng tiếng Hypri. Trong khi những người Do Thái ở Alexandrie, họ công nhận thêm nhiều sách khác nữa được viết bằng tiếng Hy Lạp hoặc đang được lưu trữ với hình thức chữ viết Hy Lạp⁴².

Cuốn Kinh Thánh Do Thái giáo và Kinh Thánh Kitô giáo/Công giáo

Kitô giáo nhìn nhận cuốn Kinh Thánh của Do Thái là Lời Chúa, và coi đó là phần thứ nhất, phần Cựu Ước, trong bộ Kinh Thánh của mình.

Cuốn Kinh Thánh của Kitô hữu gồm hai phần: Cựu Ước và Tân Ước. Tân Ước là phần riêng của những Kitô hữu; còn Cựu Ước chung cho cả người Do Thái giáo và Kitô hữu.

Trong khi phần Cựu Ước của Do Thái giáo chỉ có 39 cuốn và viết bằng tiếng Hypri, thì với Kitô giáo, ngoài 39 Sách Thánh viết bằng tiếng Hypri còn

42. Regis Burnet, *Pour Lire Le Nouveau Testament*. Paris: Cerf, 2010, trang 20.

thêm 7 cuốn viết bằng tiếng Hy Lạp. Tất cả là 46 cuốn của Cựu Ước. Bảy cuốn sách bằng tiếng Hy Lạp được thêm vào là: Tobia, Giuditha, 1 và 2 Macabe, sách Khôn Ngoan, Huấn Ca (riêng sách Huấn ca, có bản gốc Hypri, nhưng thời đó bị thất lạc, nay đã được tập hợp được 1/3 bản văn Hypri)⁴³, và sách Baruc.

Về Cựu Ước, anh em Tin Lành chọn theo cách của Do Thái giáo, chỉ nhận 39 cuốn bằng tiếng Hypri; còn phần Tân Ước giống Công giáo, gồm 27 cuốn⁴⁴.

Kinh Thánh Do Thái giáo thường được gọi là Quy Điển Hypri, và của Kitô giáo là Quy Điển Hy Lạp.

Cách sắp xếp thứ tự các sách của hai Quy Điển Hypri và Hy Lạp

Quy Điển Cựu Ước Hypri

Quy Điển Hypri được chia làm ba phần: Torah

43. Maurice GILBERT, *Les cinq livres des Sages*. Paris: Cerf, 2003, trang 15.

44. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 7-9 & 13.

(Luật), Neviim (Các Ngôn Sứ) và Kituvim (Các Sách Khác). Người Do Thái lấy ba chữ cái đầu tiên của ba từ trên, ghép lại thành TNK, đọc là TaNaK, để gọi tên cuốn Kinh Thánh của họ.

Quy Điển Cựu Ước Hy Lạp

Quy điển Hy Lạp chia làm bốn phần: Ngũ Thư, Các Sách Sứ, Các Sách Giáo Huấn (hay còn gọi là Thơ Phú), và Các Sách Ngôn Sứ.

Thứ tự các trong Quy Điển Hy Lạp hẳn là do các Kitô hữu sắp xếp lại (vào khoảng thế kỷ IV thời Công Nguyên). Vì rằng, việc xếp các Sách Ngôn Sứ vào cuối phần Cựu Ước muốn cho thấy, Cựu Ước kết thúc bằng việc loan báo về Tân Ước qua các Ngôn Sứ.

Đối với Kitô hữu, lịch sử dân Chúa và những lời loan báo của các ngôn sứ được hoàn tất nơi Đức Giêsu Nazaret. Nhờ Ngài mà Thiên Chúa quy tụ loài người của mọi nước, mọi dân để làm nên một dân bởi Giao Ước mới.

Phân chia chương và câu trong Kinh Thánh⁴⁵


Kinh Thánh, Cựu Ước và Tân Ước, khi được viết, không có phân chia chương và câu.

Để giúp việc tìm kiếm trong Kinh Thánh được dễ dàng, vào năm 1226, Étienne Langton có sáng kiến phân mỗi cuốn thành những đoạn và đánh số đoạn. Đến năm 1551, nhà in Robert Estienne trong một chuyến đi từ Lyon tới Paris, đã đánh số hầu như mỗi câu của các đoạn Kinh Thánh.

Cách phân thành đoạn và câu như trên không phải luôn luôn khớp với ý nghĩa của bản văn (chẳng hạn Mc 6,6a và 6b). Tuy nhiên việc phân chương và câu rất tiện dụng, nên các ấn bản Thánh Kinh đều đã theo cách đó. Muốn chỉ một chỗ nào trong Thánh Kinh thì chỉ cần cho biết cuốn nào, chương mấy, câu mấy(chẳng hạn St 2,4).

45. Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 7.

ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA VÙNG TRUNG ĐÔNG⁴⁶

ản đồ địa lý của nước Israel hiện tại khác nhiều với niềm đất mà lịch sử thánh Israel nói đến trong thời Thánh Kinh.

Israel nằm giữa một hành lang nhỏ hẹp

Israel nằm giữa hành lang chật hẹp giữa biển Địa Trung Hải và sa mạc Syria và Arabie. Vị trí địa lý của Israel sẽ cho thấy tình hình địa lý chính trị của nước này.

Về phía Nam, Israel gần Ai Cập, nơi có dòng sông Nil bảo đảm sự phồn thịnh của Ai Cập. Nhờ đó mà Ai Cập trở thành cường quốc.

46. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 18;
Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1er 1980), trang 16.

Về phía Đông, Israel gần với miền Lưỡng Hà, với hai con sông lớn Tigre và Euphate. Trong niềm Lưỡng Hà này, ba cường quốc nối tiếp và thay nhau: Assyria, Babylon và Ba Tư. Theo địa lý hiện nay, chúng ta gọi những nước này là phía đông, nhưng trong Kinh Thánh lại gọi họ là các nước phương Bắc (x. Gr 1,12-14).

Phía Tây, có hai cường quốc kế tiếp nhau: Hy Lạp và Roma. Khi các cường quốc sống cạnh nhau thì điều gì xảy ra? Dĩ nhiên là họ sẽ đánh nhau! “*Khi mùa Xuân trở lại, các vua lên đường chinh chiến...*” (2 Sm 11,1), Thánh Kinh đã viết như thế. Nhưng để đánh nhau thì phải gặp nhau hoặc đi gặp đối phương, và do đó phải dùng hành lang giữa Địa Trung Hải và sa mạc Arabia.

Dân tộc nhỏ bé mà chúng ta quan tâm, dân Israel, lại ở ngay hành lang nhỏ hẹp đó. Và chúng ta hiểu vì sao cuộc sống của họ phải lệ thuộc rất nhiều vào sức mạnh của các dân tộc khác. Họ nằm giữa những thế lực lớn, họ được dùng làm tiền đồn khi thì cho thế lực này, khi thì cho thế lực khác, và do đó họ cũng thường xuyên bị cám dỗ thỏa hiệp với nước này nước khác.

Chung quanh Israel còn có bốn nước láng giềng nhỏ. Từ Bắc xuống Nam có Aram, Ammon, Moab và Edome. Xung đột vẫn xảy ra giữa Israel với các nước láng giềng nhỏ bé này, có lúc họ lại liên minh với nhau để chống lại các cường quốc.

Tên gọi Canaan và Palestine

Trong Thánh Kinh (và trong những bản văn ngoài Thánh Kinh), chữ “Canaan” có khi là một xứ, có khi là một dân.

Khoảng thế kỷ XII trước Công Nguyên, dân Philitin chiếm cứ vùng duyên hải Địa Trung Hải ở mạn Nam. Vài thế kỷ trước Công Nguyên, người Hy Lạp lấy tên của dân ấy mà đặt cho xứ này: xứ Palestine, nghĩa là “xứ của dân Philitinh”. Như thế tên Palestine có muộn; thời Hy Lạp, trước đó trong Cựu Ước, tên gọi quen thuộc là xứ Canaan.

Xứ Canaan đại khái là miền Palestina ngày nay. Nó được cắt dọc thành nhiều vùng:

- Dọc theo bờ Địa Trung Hải là vùng duyên hải có ngọn núi Carmel cắt ngang.

- Vùng ở giữa gồm nhiều cao nguyên ở miền Galilêa; và nhiều đồi núi ở Samaria và Giuda.

- Vùng phía Tây là lưu vực sông Giordan. Sông này bắt nguồn ở chân núi Hermon ở mức 200m trên mực nước biển, chảy tới hồ Hulê thì nó còn 68m, nhưng khi tới hồ Tiberia thì đã là - 212m dưới mực nước biển và khi đổ vào Biển Chết thì độ thấp là - 392m.

NGÀN NĂM LỊCH SỬ CỨU ĐỘ⁴⁷

???	>1200	1000	933	722	587
Abraham	Xuất Hành	David – Salomon	Chia đôi Đất Nước (x. 1V 12)	Samaria thất thủ - Assyria (x. 2V17,5-6)	Lưu đày Babylon – tướng Nabucodonosor (x. 2V 25,1-7)

538	333	167	63	70 (CN)
Hồi Hương –Cyrus - Vua Batur (x. Er 1,1-4)	Thời Hylap – Alexandria	Cuộc nổi dậy của nhà Maccabe (x. 1&2 Mcb)	Thời Roma	Đền Thờ bị phá tan (Lc 19,44)

47. Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, trang 16-17

Chúng ta có thể lấy 11 điểm mốc quan trọng trong lịch sử dân Chúa, từ thời Abraham cho đến thời Chúa Giêsu.

1. Tổ phụ Abraham

Trước đây, các nhà chú giải nghi có thể xác định được niên biểu tổ phụ Abraham. Nhưng ngày nay người ta không còn nghi đến việc có thể xác định niên biểu thời Abraham nữa. Có giả thuyết phủ nhận cả sử tính của nhân vật Abraham, nhưng giả thuyết này đã bị từ chối bởi Giáo Hội qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, năm 2014⁴⁸. Theo truyền thống trong Kinh Thánh, Abraham từ thành Ur (x. St 11,31), miền Lương Hà, và Chúa gọi ông đến miền Canaan (x. St 12,1-5). Abraham là tổ phụ Israel, mẫu gương của niềm tin qua sự vâng phục tuyệt đối trước mệnh lệnh của Thiên Chúa. Thiên Chúa thiết lập giao ước với tổ phụ Abraham và lời hứa ban đất Canaan cho dòng dõi ông (x. St 15,18).

48. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014.

2. Biến cố Xuất Hành

Cùng như về vấn đề sử tính của nhân vật Abraham, có giả thuyết phủ nhận sử tính của biến cố Xuất Hành, nhưng giả thuyết này đã bị từ chối bởi Giáo Hội qua tài liệu của Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, năm 2014⁴⁹. Theo một số các nhà chú giải, Xuất Hành có lẽ xảy vào khoảng những năm 1200. Chúng ta biết khó có thể nói chính xác về niên đại Xuất Hành, bởi vì có thể không phải chỉ có một cuộc Xuất Hành đã xảy ra, mà có thể có vài cuộc Xuất Hành.

Về đời sống đức tin, Xuất Hành chiếm một vị trí quan trọng trong Kinh Thánh và trong phụng vụ Do Thái giáo. Cho đến thời Chúa Giêsu, hàng năm, Israel cử hành Lễ Vượt Qua nhằm hiện thực hóa việc Chúa đã giải cứu dân Ngài khỏi ách nô lệ Ai Cập và đưa họ về miền Đất Hứa. Theo Kinh Thánh, Xuất Hành là biến cố khai sinh dân Israel; với Xuất Hành những gì còn nằm trong lời hứa với Abraham đó là đất và dân, thì nay đang được thực hiện.

49. Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014.

Với Xuất Hành, Israel có kinh nghiệm về một thân phận nô lệ cực nhọc và tội nhục nơi đất khách quê người; đồng thời Israel có kinh nghiệm về một Thiên Chúa giải thoát kẻ bị áp bức, về một Thiên Chúa trung tín với lời Ngài đã hứa cùng tổ phụ Abraham khi giải thoát họ khỏi tay Ai Cập và đưa về Đất Hứa.

Từ Xuất Hành đến thời Đavít, giai đoạn này là thời các Thẩm Phán. Dân sống không có tổ chức cơ chế. Lúc nào có biến loạn, thì một thủ lãnh đứng lên quy tụ dân để dẹp loạn, hết loạn, ai về nhà nấy (x. sách Thủ Lãnh).

3. Năm 1000: Đavít - Salômon

Trước Đavít, Saul đã làm vua, nhưng Saul là vua của miền Bắc. Đavít thống nhất đất nước, và làm vua toàn cõi Israel, cả miền Nam và miền Bắc (x. 2 Sm 5,1-5), và đặt thủ đô tại kinh thành Giêrusalem. Đavít là vị vua được coi là trung thành với Chúa, dù ông cũng là kẻ tội lỗi, nhưng một lòng trở về với Chúa. Thiên Chúa hứa với Đavít, qua ngôn sứ Nathan, sẽ làm cho ngai vàng của dòng dõi Đavít được bền vững mãi mãi (x. 2 Sm 7,13).

Ngay từ sách Thủ Lãnh, Kinh Thánh không hề ủng hộ việc Israel có vua như các dân nước xung quanh (x. Tl 9,7-21). Sách Samuel cũng cho biết, vì dân Israel đòi cho bằng được, Samuel phải cho họ có một vị vua; và Thiên Chúa đã sai Samuel xúc dầu phong vương Saul làm vua Israel. Samuel cũng đã cho dân thấy việc Israel đòi có vua là một trọng tội mà Israel đã làm đối với Chúa (x. 1 Sm 8,1-22; 12,16-19). Sách Các Vua còn cho thấy chính các vua là những người đã lôi kéo dân Chúa đi vào con đường thờ tà thần. Và đây là nguyên nhân đưa đến đại họa mất nước cho Israel (x. 2 V 17,22-23) cũng như cho Giuđa (x. 2 V 23,26-27; 24,19-20).

Salômon, người kế vị Đavít, được ca ngợi là người khôn ngoan và giàu có, nhưng cuối cùng cũng chạy theo thói thờ tà thần. Ông là người xây cho Chúa ngôi Đền Thờ huy hoàng tại Giêrusalem, nhưng ông chỉ mất 7 năm để xây Đền Thờ cho Chúa; còn cung điện của riêng ông, ông dành đến 13 năm để xây (x. 1 V 6,37-7,1). Vì thế Salômon tăng thuế má khiến dân chúng phẫn nộ, và đưa đến cuộc ly khai Bắc - Nam (x. 1 V 12).

4. Năm 933: chia đôi đất nước (x. 1 V 12)

Ngay sau khi Salômon qua đời đất nước lại chia làm hai (1 V 12). Miền Nam gọi là Giuda, miền Bắc là Israel.

Miền Nam, vua theo truyền thống cha truyền con nối, thuộc dòng tộc Đavít. Thành đô của miền Nam là Giêrusalem, và Đền Thờ tại Giêrusalem.

Miền Bắc, các vua tranh dành nhau để tiếm quyền (x. 2 V 9,22-10.11). Miền Bắc ly khai Miền Nam cả về chính trị và lẫn tôn giáo. Để dân miền Bắc khởi lên Đền Thờ Giêrusalem, vua Giropam đã cho xây hai đền thờ, một ở Đan và một ở Bethel.

5. Năm 722: Samaria thất thủ, rơi vào tay Assyria (x. 2 V 17,5-6)

Niên Bắc thường xảy ra chiến tranh với các nước láng giềng và có lúc khốn đốn, chẳng hạn nạn đói do bị quân Aram bao vây (x. 2 V 6,24-31). Khi Assyria gây áp lực những nước quanh vùng đất Canaan, các nước này liên minh cùng nhau và với Israel chống lại Assyria. Các nước đồng minh kéo cả Giuda vào cuộc, nhưng Giuda không chịu liên minh. Vì thế

các nước đồng minh cùng miền Bắc kéo nhau đánh miền Nam. Vua miền Nam lúc bấy giờ là Akhát, cầu cứu Assyria (x. 2 V 16,5-9 // Is 7,1-6). Nhân việc cầu cứu này, Assyria tấn công miền Bắc, bình địa thủ đô Samaria vào năm 722 (x. 2 V 17,5-6).

Vua Assyria đày người Samaria sang Babylon, và đưa các dân từ nơi khác đến sinh sống ở Samaria, tạo nên một dân vừa hỗn hợp về chủng tộc, vừa pha lẫn về tôn giáo (x. 2 V 17,5-6. 24-34).

Sau đó, Assyria đã tấn công Giuda, nhưng không thành công (x. 2 V 18,13- 19,37).

6. Năm 587: Lưu đày Babylon (x. 2 V 25,1-7)

Đến lượt đế quốc Babylon lớn mạnh, thay chân Assyria bá chủ vùng Trung Đông. Năm 589 Nabucodonoso tiến đánh Giêrusalem, bắt một số người đày sang Babylon đợt I. Ngôn sứ Êdékien nằm trong số những người lưu đày đợt I. Nhưng Giuda vẫn ngoan cố tìm cách chống lại Assyria, vì Nabucodonoso lại tiến đánh Giêrusalem, bình địa thành và thiêu rụi Đền Thờ. Nabucodonoso bắt dân và vua Giuda lưu đày sang Babylon đợt II, vào năm 587.

Lưu đày là một chấn động đối với niềm tin Israel: hoặc là Thiên Chúa Israel thua thần dân ngoại, hoặc Thiên Chúa không còn trung tín với lời hứa của Ngài. Các ngôn sứ sẽ giúp dân vượt qua thử thách đức tin này: Thiên Chúa không thua thần dân ngoại, nhưng là Ngài đã bỏ rơi dân Ngài vì tội bất trung của họ; nếu dân thật lòng hối cải, Thiên Chúa sẽ lại đưa dân trở về (x. Ed 37,1-14; 43,1-9).

7. Thời Ba Tư - Hồi hương năm 538, (x. Er 1,1-4; Is 45,1-7)

Cường quốc Babylon sụp đổ dưới sức mạnh của Ba Tư, Trung Đông rơi vào tay Ba Tư. Cyrus thống trị vương quốc với sự khoan dung mềm dẻo. Năm 538, vua Cyrus ra sắc cho dân Do Thái hồi hương. Sau 50 năm lưu đày, dân Do Thái được trở về tái thiết lại Đền Thờ và tường thành Giêrusalem.

Trong khi Isaia loan báo hồi hương như một niềm mong ước đầy tươi sáng (x. Is 40,1-5; 52,7-10), và người ta cũng cảm thấy hạnh phúc như trong giấc mơ khi có ngày được trở về Giêrusalem (x. Tv 126). Thế nhưng lúc trở về, thực tế hết sức khắc nghiệt,

dân hồi hương chịu bao khó khăn làm họ nản lòng thất vọng (x. Er 4,1-5; Nhm 3,33-35; 4,10-17; 5,1-6).

8. Thời Hy Lạp, năm 333

Năm 333, vùng Trung Đông lại một lần nữa có sự thay ngôi đổi chủ, Alexandre đại đế lên ngôi, Hy Lạp trở thành cường quốc, thay chân Ba Tư thống lãnh vùng Trung Đông. Với thời Hy Lạp, cả vùng Trung Đông chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp và cả ngôn ngữ Hy Lạp. Israel cũng chịu chung số phận dưới sự đô hộ của Hy Lạp.

Đại đế Alexandre là một vị vua bách chiến bách thắng, đến nỗi người dân coi ông như một thần minh. Nhưng rồi ông cũng phải chết như bao người khác, và chết ở tuổi 32, lúc đang độ sung sức của tuổi đời và của sự nghiệp.

9. Năm 167, Antiochus kế vị Alexandre đại đế

Vua Antiochus bắt dân Do Thái từ bỏ niềm tin Do Thái. Đây là giai đoạn bách hại đạo Do Thái. Dưới sự lãnh đạo của nhà Maccabe, người Do Thái tìm được sự tự do vào năm 164.

10. Năm 63, dân Do Thái chia rẽ thành hai phe, mỗi phe ủng hộ vua riêng của mình

Họ cầu cứu Roma làm trọng tài phân xử cho họ. Nhân dịp này, tướng Pompée, viện cớ để ủng hộ một phe Do Thái, chiếm thành Giêrusalem sau ba tháng bao vây. Đó là mở màn cho ách đô hộ của Roma, và sẽ kéo dài cho tới thế kỷ VII thời Công Nguyên khi quân Á Rập tràn vào xứ này.

11. Năm 70 thời Công Nguyên

Để trừng phạt sự nổi loạn của dân Do Thái, quân Roma, dưới sự chỉ huy của tướng Titus, đã đánh phá thành Giêrusalem và phá hủy Đền Thờ Giêrusalem. Đền Thờ Giêrusalem lúc này được tái thiết và trang hoàng lộng lẫy bởi vua Hêrôđê Cả, chỉ mới hoàn tất vào năm 63 thời Công Nguyên, tức là chỉ mới hoàn tất được vài năm đã bị thiêu hủy, đúng như lời ghi lại trong Tin Mừng: “*Không còn hòn đá nào trên hòn đá nào*” (x. Lc 21,6). Hiện thời, trên nền đất Đền Thờ Giêrusalem xưa là ngôi đền thờ tuyệt đẹp của người Hồi giáo; còn dân Do Thái chỉ đứng dưới bức tường còn sót lại, gọi là “Bức Tường Than Thở”, để cầu nguyện.

Nếu đến Giêrusalem, đứng dưới chân Bức Tường Than Thở nhìn lại lịch sử dân Chúa, ta có thể nhớ đến lời trong sách Giăng Viên: *“Ở dưới bầu trời này, mọi sự đều có lúc, mọi việc đều có thời... Một thời để giết chết, một thời để chữa lành; một thời để phá đổ, một thời để xây dựng...”*. Chúng ta gẫm về lời của ngôn sứ Isaia: *“Phải, dân là cỏ: cỏ héo, hoa tàn, nhưng lời của Thiên Chúa chúng ta đời đời bền vững”* (Is 40,7b-8). Nghi về Đền Thờ Giêrusalem nay không còn, chúng ta sẽ thấm thía hơn lời của Thầy Giêsu: *“Nhưng giờ đã đến – và chính là lúc này đây – giờ những người thờ phượng đích thực, sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật”* (Ga 4,23).

THƯ MỤC

Cuộc cách mạng của Giáo Hoàng Phanxicô – Francesco Tra I Lupi, Marco Politi, Paris, 2015; người dịch Giuse Ngô Gia Biên, OP.

Daniel Marguerat, *Introduction au Nouveau Testament*, Genève: Labor et Fides, 2000, 2001², 2004³.

Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*, Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980).

Thomas RÖMER, Jean-Daniel MACCHI, Christophe NIHAN, *Introduction à l'Ancien Testament*, Genève: Labor et Fides, 2004.

Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014.

Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*, Paris: Cerf, 2007.

Maurice GILBERT, *Les cinq livres des Sages*, Paris: Cerf, 2003.

La Bible – Notes Intégrales Traduction Oecuménique (TOB). Cerf – Biblio, 2011.
Regis Burnet, *Pour Lire Le Nouveau Testament*, Paris: Cerf, 2010.

MỤC LỤC

LỜI NGỎ.....	7
DẪN NHẬP: KINH THÁNH CỰU ƯỚC CUỐN SÁCH GÂY TRANH CÃI.....	9

PHẦN I:

NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC VIẾT TRONG KINH THÁNH CÓ THẬT HAY KHÔNG?

ADAM VÀ EVÀ CÓ THẬT HAY KHÔNG?	17
ABRAHAM - XUẤT HÀNH CÓ THẬT HAY KHÔNG?.....	23

PHẦN II:

BẠO LỰC TRONG KINH THÁNH PHẢI CHĂNG THIÊN CHÚA THỜI CỰU ƯỚC TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?

BẠO LỰC TRONG KINH THÁNH.....	37
ÁN THẦN TRU.....	39

KINH THÁNH VÀ KHẢO CỔ	43
SÁCH GIÔSUÊ CHƯƠNG 6.....	47
Ý NGHĨA ÁN THẦN TRU	51
THÁNH VỊNH NGUYỄN RỬA.....	59
PHẢI CHĂNG THIÊN CHÚA THỜI CỰU ƯỚC TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?	71

PHẦN PHỤ LỤC

AI CÓ THỂ ĐỌC KINH THÁNH?	79
KINH THÁNH DO THÁI GIÁO KINH THÁNH KITÔ GIÁO /CÔNG GIÁO ? KINH THÁNH TIN LÀNH.....	87
ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA VÙNG TRUNG ĐÔNG.....	97
NGÀN NĂM LỊCH SỬ CỨU ĐỘ.....	103
THƯ MỤC.....	115

**NHỮNG ĐIỀU ĐƯỢC VIẾT TRONG KINH THÁNH
CÓ THẬT HAY KHÔNG?**

&

**PHẢI CHĂNG THIÊN CHÚA THỜI CỤU ƯỚC
TÀN BẠO HƠN THỜI TÂN ƯỚC?**

Tác giả: Nt. Agnes Cảnh Tuyết, O.P

Giáo sư Kinh Thánh Học viện Công giáo

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845 - Fax (024) 37822841

Email: nhaxuatbantongjiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

TS. Bùi Thanh Hà

Biên tập: **Nguyễn Thị Hà**

Trình bày: **Bayard Việt Nam**

Sửa bản in: **Lm. Phêrô Nguyễn Văn Hiệu**

LIÊN KẾT XUẤT BẢN:

BAYARD VIETNAM CO., LTD.

Số 37 đường số 11, Khu phố 1,

Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Tel: 090 1189 659 - 086 8080 504

Website: www.bayard.vn

*www.gloriabooks.vn



© 2020 Bayard Việt Nam

In 1000 cuốn, khổ 12x18 cm tại Công ty TNHH MTV Tân Á Châu,
243 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Số ĐKXB: 1243-2020/CXBIPH/03-04/TG

QĐXB: 139/QĐ-NXB TG ngày 14 tháng 4 năm 2020

Mã ISBN: 978-604-61-6984-0. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2020.